

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 888 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 494/TTr-BKHĐT ngày 06 tháng 7 năm 2023, Văn bản số 5427/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Chương trình)

1. Giao 13.369,468 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng mức và cơ cấu ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội tại Phụ lục kèm theo.

2. Giao danh mục và mức vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch vốn của Chương trình cho từng nhiệm vụ, dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định, đủ điều kiện giao kế hoạch vốn của Chương trình tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025.

1. Giao bổ sung 18.808,467 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

2. Giao bổ sung 444,407 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 còn lại của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục kèm theo.

3. Điều chỉnh giảm 24.594,3 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ cho Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương: Khánh Hòa: 1.845 tỷ đồng, Đắk Lắk: 1.641 tỷ đồng, Đồng Nai: 1.436 tỷ đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu: 1.976 tỷ đồng, Tiền Giang: 872 tỷ đồng, Cần Thơ: 3.250 tỷ đồng, Hậu Giang: 3.466 tỷ đồng, Sóc Trăng: 3.769,5 tỷ đồng, An Giang: 4.928 tỷ đồng, Đồng Tháp: 1.410,8 tỷ đồng.

4. Giao danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án đã đủ thủ tục đầu tư, đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

5. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 giữa các nhiệm vụ, dự án trong tổng mức vốn của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương: giảm 2.948,863 tỷ đồng của các nhiệm vụ, dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 để tăng tương ứng cho các nhiệm vụ, dự án không thuộc danh mục Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV và các dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 nhưng khác ngành, lĩnh vực với dự án điều chỉnh giảm tại Phụ lục kèm theo.

6. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung

ương giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để đưa vào dự phòng của kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Triển khai thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 được giao, bổ sung, điều chỉnh tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, đúng mục đích, hiệu quả.

b) Chỉ đạo đơn vị trực thuộc khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết định đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

c) Thực hiện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bảo đảm quản lý và sử dụng vốn hiệu quả.

d) Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và các quy định có liên quan.

đ) Báo cáo việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm 2023.

e) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, NN, CN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).⁴⁴⁵

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên Phụ lục	Nội dung
1	Phụ lục I	Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025
2	Phụ lục I.A	Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phân theo ngành, lĩnh vực
3	Phụ lục I.B, I.C, I.D, I.Đ	Giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho danh mục các nhiệm vụ, dự án
4	Phụ lục II	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
5	Phụ lục II.A	Danh mục nhiệm vụ, dự án bố trí kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội



Văn phòng Quốc hội

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						
	Tổng số			301.345	301.345	233.663			9.457	9.457		233.663		
	Văn phòng Quốc hội			301.345	301.345	233.663			9.457	9.457		233.663		
I	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			262.637	262.637	204.412			9.457			194.955		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			262.637	262.637	204.412			9.457			194.955		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			262.637	262.637	204.412			9.457			194.955		
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			262.637	262.637	204.412			9.457			194.955		
(1)	Dự án nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình quốc hội	24759	1224/QĐ-VPQH ngày 21/9/2021	262.637	262.637	204.412			9.457			194.955		
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			38.708	38.708	29.251				9.457		38.708		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			38.708	38.708	29.251				9.457		38.708		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			38.708	38.708	29.251				9.457		38.708		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			38.708	38.708	29.251				9.457		38.708		
(1)	Dự án trụ sở Văn phòng Quốc hội tại TP Đà Nẵng	28822	Quyết định 362/ QĐ-VPQH ngày 01/6/2022	38.708	38.708	29.251				9.457		38.708		



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	500.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	500.000
1	Vốn trong nước	500.000



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	500.000	500.000	
	Các hoạt động kinh tế	500.000	500.000	
-	Công nghệ thông tin	500.000	500.000	



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			500.000	500.000	500.000				
	Tòa án nhân dân tối cao			500.000	500.000	500.000				
I	Công nghệ thông tin			500.000	500.000	500.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			500.000	500.000	500.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			500.000	500.000	500.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			500.000	500.000	500.000				
(1)	Trang bị cơ sở vật chất tổ chức triển khai phiên toà trực tuyến	38200	497A-28/11/22	500.000	500.000	500.000				



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I.C
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						
	Tổng số			1.016.085	1.016.085	606.976			140.000	140.000		606.976		
	Tòa án nhân dân tối cao			1.016.085	1.016.085	606.976			140.000	140.000		606.976		
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			1.016.085	1.016.085	606.976			140.000	140.000		606.976		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.016.085	1.016.085	606.976			140.000	140.000		606.976		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			347.482	347.482					140.000		140.000		
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			347.482	347.482					140.000		140.000		
(1)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Tuyên Quang	38207	327-24/8/22	130.000	130.000					50.000		50.000		
(2)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Quảng Nam	38208	217-11/8/22	132.000	132.000					50.000		50.000		
(3)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Thanh Miện (tỉnh Hải Dương)	38209	4380a-20/10/20	42.467	42.467					20.000		20.000		
(4)	Xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Giao Thủy (tỉnh Nam Định)	38210	115-06/5/20	43.015	43.015					20.000		20.000		
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			668.603	668.603	606.976			140.000			466.976		
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			668.603	668.603	606.976			140.000			466.976		
(1)	Trùng tu Tòa án nhân dân tối cao tại 48 Lý Thường Kiệt (GD2)	12566	228-17/10/17 131-03/7/19 81-12/3/20 452-28/12/20 44-16/3/21	668.603	668.603	606.976			140.000			466.976		



Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỌNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			123.543	119.938	6.000			5.027	5.027		6.000		
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao			123.543	119.938	6.000			5.027	5.027		6.000		
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			123.543	119.938	6.000			5.027	5.027		6.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			123.543	119.938	6.000			5.027	5.027		6.000		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			103.543	99.938					5.027		5.027		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			103.543	99.938					5.027		5.027		
(1)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	38217	148/31/10/2017	18.864	18.864					209		209		
(2)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND thành phố Cần Thơ	38218	139/25/3/2016	64.580	64.580					3.096		3.096		
(3)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	38219	155/31/10/2017	20.099	16.494					1.722		1.722		
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			20.000	20.000	6.000			5.027			973		
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			20.000	20.000	6.000			5.027			973		
(1)	VKSND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	30985	96/26/7/2021	20.000	20.000	6.000			5.027			973		

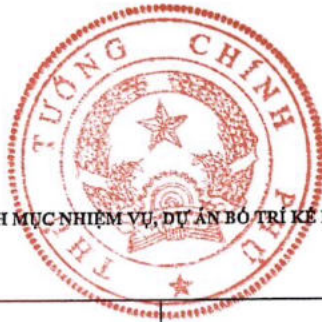
Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	306.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	306.000



Bộ Quốc phòng

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bổ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			306.000	306.000	306.000	
	Bộ Quốc phòng			306.000	306.000	306.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			306.000	306.000	306.000	
(1)	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, hiện đại hóa hệ thống y tế tại các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng	38227	Số 675/QĐ-BQP	306.000	306.000	306.000	



Bộ Công an

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	300.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	300.000



Bộ Công an

Phụ lục ILA

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW đã bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Giao Kế hoạch vốn NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
				917.000	917.000	170.000	300.000	
	Tổng số			917.000	917.000	170.000	300.000	
	Bộ Công an							
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			917.000	917.000	170.000	300.000	
(1)	Dự án đầu tư Trung tâm khám, điều trị kỹ thuật chất lượng cao Bệnh viện 19/8	38098	8636 25/10/2021, 1327 24/02/2022	640.000	640.000	120.000	250.000	
(2)	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện 30/4 Bộ Công an	38099	8635 25/10/2021, 3088 06/5/2022	277.000	277.000	50.000	50.000	



Bộ Tư pháp

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	99.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	99.000
1	Vốn trong nước	99.000



Bộ Tư pháp

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	99.000	99.000	
	Các hoạt động kinh tế	99.000	99.000	
-	Công nghệ thông tin	99.000	99.000	



Bộ Tư pháp

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			99.000	99.000		99.000			
	Bộ Tư pháp			99.000	99.000		99.000			
I	Công nghệ thông tin			99.000	99.000		99.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			99.000	99.000		99.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			99.000	99.000		99.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			99.000	99.000		99.000			
(1)	Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý	38195	215/QĐ-BTP ngày 23/02/2023	99.000	99.000		99.000			



Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục I
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			1.562.516	1.562.516	20.200	1.228.328			
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			1.562.516	1.562.516	20.200	1.228.328			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			52.496	52.496	700	51.795			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			52.496	52.496	700	51.795			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			52.496	52.496	700	51.795			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			52.496	52.496	700	51.795			
(1)	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các Trường Cao đẳng Thông kê	37040	1753/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	52.496	52.496	700	51.795			
II	Công nghệ thông tin			91.382	91.382	700	53.933			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			91.382	91.382	700	53.933			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			91.382	91.382	700	53.933			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			91.382	91.382	700	53.933			
(1)	Xây dựng Kho dữ liệu thông kê đặc tả và dữ liệu vi mô	37078	1482/QĐ-BKHĐT ngày 30/8/2022	91.382	91.382	700	53.933			
III	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa			680.500	680.500	4.000	476.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			680.500	680.500	4.000	476.500			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			680.500	680.500	4.000	476.500			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			680.500	680.500	4.000	476.500			
(1)	Đầu tư xây dựng khu cơ sở kỹ thuật và ương tạo hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực phía Bắc	36684	1717/QĐ-BKHĐT ngày 28/10/2022	680.500	680.500	4.000	476.500			
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			738.139	738.139	14.800	646.100			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			738.139	738.139	14.800	646.100			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			738.139	738.139	14.800	646.100			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			738.139	738.139	14.800	646.100			
(1)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Hà Nội	37041	1752/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	86.004	86.004	900	85.103			
(2)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Miền núi phía Bắc giai đoạn 2022-2025	37042	1740/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	96.952	96.952	2.200	94.752			
(3)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ giai đoạn 2022-2025	37043	1741/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	96.485	96.485	2.300	94.185			

3

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(4)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2022-2025	37044	1743/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	47.595	47.595	1.300	46.295			
(5)	Xây dựng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Nam Trung Bộ giai đoạn 2022-2025	37045	1745/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	83.725	83.725	1.500	82.225			
(6)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giai đoạn 2022-2024	37046	1746/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	43.284	43.284	1.100	42.183			
(7)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2022-2025	37047	1747/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	106.169	106.169	2.400	103.769			
(8)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Miền núi phía Bắc giai đoạn 2025-2027	37048	1748/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	45.366	45.366	700	18.300			
(9)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ giai đoạn 2025-2027	37049	1749/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	34.563	34.563	600	20.488			
(10)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ giai đoạn 2025-2027	37050	1750/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	39.027	39.027	800	21.500			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDGB
(11)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giai đoạn 2024-2027	37051	1751/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	58.968	58.968	1.000	37.300			



Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục I.A

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			1.282.214	1.282.214	444.786			33.969	33.969		444.786		
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			1.282.214	1.282.214	444.786			33.969	33.969		444.786		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			987.214	987.214	285.873				12.969		298.842		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			987.214	987.214	285.873				12.969		298.842		
(1)	Đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển	4835	136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016; 1925/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020	987.214	987.214	285.873				12.969		298.842		
II	Công nghệ thông tin			220.000	220.000	83.913				21.000		104.913		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			220.000	220.000	83.913				21.000		104.913		
(1)	Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	25929	874/QĐ-BKHĐT ngày 08/6/2020	220.000	220.000	83.913				21.000		104.913		
III	Quy hoạch			75.000	75.000	75.000			33.969			41.031		
(1)	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	32255		75.000	75.000	75.000			33.969			41.031		



Bộ Tài chính

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	407.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	407.000
1	Vốn trong nước	407.000



Bộ Tài chính

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	407.000	407.000	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	407.000	407.000	



Bộ Tài chính

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			407.000	407.000	407.000				
	Bộ Tài chính			407.000	407.000	407.000				
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			407.000	407.000	407.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			407.000	407.000	407.000				
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			407.000	407.000	407.000				
(1)	Dự án Trụ sở cơ quan Hải quan Cảng Hàng không quốc tế Long Thành	38201	2388/QĐ-BTC ngày 17/11/2022	407.000	407.000	407.000				



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	60.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	60.000
1	Vốn nước ngoài	60.000



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	60.000		60.000
	Các hoạt động kinh tế	60.000		60.000
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	60.000		60.000



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			5.873.000	5.873.000		2.589.500			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			5.873.000	5.873.000		2.589.500			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			5.873.000	5.873.000		2.589.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			5.873.000	5.873.000		2.589.500			
(1)	Hồ chứa nước IaThui	36379	1400, 10/11/2022	4.024.000	4.024.000		1.721.500			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.849.000	1.849.000		868.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.849.000	1.849.000		868.000			
(1)	Hồ Bán Mông GD2	36370	84/QĐ-TTg 14/02/2023	1.849.000	1.849.000		868.000			



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			651.000	651.000	200.000			50.000			150.000		
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			651.000	651.000	200.000			50.000			150.000		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			651.000	651.000	200.000			50.000			150.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			651.000	651.000	200.000			50.000			150.000		
(1)	Nâng cấp cải tạo kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên	37153	3212 20/7/2021	651.000	651.000	200.000			50.000			150.000		



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.D
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)
						Tổng số	Trong đó			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số						Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP											Tổng số		
					439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
	Tổng số				439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
II	Dự án khởi công mới 2021-2025				439.337	69.369	69.369			369.968	369.968			60.000			60.000				
(1)	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	38002	ADB	792/QĐ-TTg 04/7/2022	439.337	69.369	69.369		16 triệu USD	369.968	369.968			60.000			60.000				



Đơn vị tính: Triệu đồng

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

G.I.

56

Sup

[illegible]



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng cho các địa phương	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	24.594.300	500.000
1	Vốn trong nước	24.594.300	500.000



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.A

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng cho các địa phương	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
			Tổng số	Trong đó	
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	24.594.300	500.000	500.000	
4	Các hoạt động kinh tế	24.594.300	500.000	500.000	
-	Giao thông	24.594.300	500.000	500.000	



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			51.719.361	39.760.745	45.000	10.315.042			
	Bộ Giao thông vận tải			51.719.361	39.760.745	45.000	10.315.042			
I	Giao thông			51.719.361	39.760.745	45.000	10.315.042			
	Dự án quan trọng quốc gia			39.772.000	35.237.000		6.038.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			39.772.000	35.237.000		6.038.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			39.772.000	35.237.000		6.038.000			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	38122	58/2022/QH15 16/6/2022	21.935.000	20.670.000		3.625.000			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	38128	59/2022/QH15 16/6/2022	17.837.000	14.567.000		2.413.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			11.947.361	4.523.745	45.000	4.277.042			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						6.042			
(1)	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn La Sơn - Hòa Liên	38243					1.173			
(2)	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 đoạn thành phố Cà Mau đến Năm Căn, tỉnh Cà Mau	38244					1.856			
(3)	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn đến Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	38245					1.313			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(4)	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 đoạn từ thành phố Bạc Liêu - Cà Ma	38246				1.700				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			11.947.361	4.523.745	45.000	4.271.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			11.947.361	4.523.745	45.000	4.271.000			
(1)	Dự án Cải tạo, mở rộng QL46 đoạn TP.Vinh - TT.Nam Đàn	38161	1569/QĐ-BGTVT 30/11/2022	500.000	500.000		500.000			
(2)	Đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Thành - Đức Hòa	33868	1032/QĐ-BGTVT 28/7/2022	2.293.000	2.293.000	20.000	2.158.000			
(3)	Cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1)	33874	1045/QĐ-TTg 06/9/2022	8.365.651	1.300.000	20.000	1.280.000			
(4)	Cải tạo, nâng cấp QL14B đoạn qua thành phố Đà Nẵng	33953	796/QĐ-BGTVT 24/6/2022	788.710	430.745	5.000	333.000			



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục LC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						
	Tổng số			47.688.582	47.688.582	2.126.550			140.348	179.597		2.165.799		
	Bộ Giao thông vận tải			47.688.582	47.688.582	2.126.550			140.348	179.597		2.165.799		
I	Giao thông			47.254.768	47.254.768	1.861.308			140.348	11.025		1.731.985		
	Dự án quan trọng quốc gia			44.691.000	44.691.000	11.025				11.025				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			44.691.000	44.691.000	11.025				11.025				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			44.691.000	44.691.000	11.025				11.025				
(1)	Cao tốc Châu Đức - Cần Thơ - Sóc Trăng	36856	60/2022/QH15 16/6/2022	44.691.000	44.691.000	11.025				11.025			1.731.985	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			2.563.768	2.563.768	1.850.283			129.323	11.025			11.025	
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư									11.025			4.625	
(1)	Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Cổ Tiết - Chợ Bền	38203								4.625				
(2)	Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	38204								400			400	
(3)	Lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	38205								6.000			6.000	
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.949.396	1.949.396	1.313.283			85.323				1.227.960	
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			1.949.396	1.949.396	1.313.283			85.323				1.227.960	
(1)	Dự án cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	22790	314/QĐ-BGTVT 22/2/2019; 1791/QĐ-BGTVT 30/9/2019	1.949.396	1.949.396	1.313.283			85.323				1.227.960	
(2)	Tuyến đường giao thông sau bến số 3 đến bến số 6 thuộc Khu bến cảng Lạch Huyện, cảng biển Hải Phòng	36866	1603/QĐ-BGTVT 30/8/2021	614.372	614.372	537.000			44.000				493.000	
II	Công nghệ thông tin			239.814	239.814	115.242				124.572			239.814	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			239.814	239.814	115.242				124.572			239.814	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			239.814	239.814	115.242				124.572			239.814	
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			239.814	239.814	115.242				124.572			239.814	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
(1)	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải	36877	1960/QĐ-BGTVT 12/11/2021	22.658	22.658	10.000				12.658		22.658		
(2)	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phương tiện, người điều khiển phương tiện hàng không và kết cấu hạ tầng giao thông hàng không	36878	1958/QĐ-BGTVT 12/11/2021	27.456	27.456	11.000				16.456		27.456		
(3)	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý phương tiện, người điều khiển, vận tải, an toàn đường sắt	36879	2032/QĐ-BGTVT 30/11/2021	17.800	17.800	8.000				9.800		17.800		
(4)	Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2021-2025	37097	1962/QĐ-BGTVT 12/11/2021	128.000	128.000	68.242				59.758		128.000		
(5)	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tích hợp phục vụ chuyển đổi số Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	37099	1959/QĐ-BGTVT 12/11/2021	43.900	43.900	18.000				25.900		43.900		
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			194.000	194.000	150.000				44.000		194.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			194.000	194.000	150.000				44.000		194.000		
(1)	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải	34295	240/QĐ-BGTVT 13/3/2023	194.000	194.000	150.000				44.000		194.000		



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.D
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn/NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng/ Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)					
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó														
	Tổng số				9.254.643	2.617.579	2.562.459	55.120		6.637.064	6.623.613	23.000	23.000		5.466.651	877.970		4.588.681							
	Bộ Giao thông vận tải				9.254.643	2.617.579	2.562.459	55.120		6.637.064	6.623.613	23.000	23.000		5.466.651	877.970		4.588.681							
I	Giao thông				9.254.643	2.617.579	2.562.459	55.120		6.637.064	6.623.613	23.000	23.000		5.466.651	877.970		4.588.681							
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				9.254.643	2.617.579	2.562.459	55.120		6.637.064	6.623.613	23.000	23.000		5.466.651	877.970		4.588.681							
a	Dự án khởi công mới 2021-2025				9.254.643	2.617.579	2.562.459	55.120		6.637.064	6.623.613	23.000	23.000		5.466.651	877.970		4.588.681							
(1)	Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 37B	37966	Hàn Quốc	22/QĐ-TTg 07/01/2022	582.516	115.540	60.420	55.120	20,1 triệu USD	466.976	466.976				521.946	54.970		466.976							
(2)	Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam	3951	WB	931/QĐ-TTg 04/8/2022	3.901.377	1.408.509	1.408.509		168,795 triệu USD	2.492.868	2.479.417	5.000	5.000		1.795.705	366.000		1.429.705							
(3)	Cao tốc Mỹ An – Cao Lãnh giai đoạn I	3935	Hàn Quốc	2203/QĐ-TTg 27/12/2021	4.770.750	1.093.530	1.093.530		158,8 triệu USD	3.677.220	3.677.220	18.000	18.000		3.149.000	457.000		2.692.000							



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.D

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ỦY ĐÀI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT										Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:					
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW										
	Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																												
	Tổng số	Trong đó				Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt																											
		NSTW	NSEP					Tổng số	Trong đó:																									
											Đưa vào	Vay lại			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW												
	Tổng số						1.407.834	227.175	149.782			1.180.658	1.180.658		101.249	101.249			94.219								7.030	7.030						
	Bộ Giao thông vận tải						1.407.834	227.175	149.782			1.180.658	1.180.658		101.249	101.249			94.219								7.030	7.030						
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						1.407.834	227.175	149.782			1.180.658	1.180.658		101.149	101.249			94.219								7.030	7.030						
	Giao dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249															
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249															
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249															
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249															
(1)	Dự án thành phần 8 thuộc Chương trình Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại VN - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải trung ương II	3961	JICA			2741/QĐ-BGTVT 20/12/2018	249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249								7.030	7.030						
b	Giao thông						1.158.103	187.926	110.533			970.176	970.176		62.000	62.000			54.970								7.030	7.030						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.158.103	187.926	110.533			970.176	970.176		62.000	62.000			54.970									7.030	7.030					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						1.158.103	187.926	110.533			970.176	970.176		62.000	62.000			54.970								7.030	7.030						

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Tổng số	Trong đó:				Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trung tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)					Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15			
									Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:					Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW							
										Tổng số	Trong đó				Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
											NSTW	NSDP				Tổng số	Trong đó:								Đưa vào	Vay lại	Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020						1.158.103	187.926	110.533			970.176	970.176		62.000	62.000				54.970								7.030	7.030							
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thịnh Long	1959	Hàn Quốc	30/03/2016		688/QĐ-BGTVT 25/2/2015; 12432/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2019	1.158.103	187.926	110.533		46 triệu USD	970.176	970.176		62.000	62.000					54.970								7.030	7.030						



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	2.297.000
1	NGÀNH GIAO THÔNG	2.297.000



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bổ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			2.297.000	2.297.000	2.297.000	
	Bộ Giao thông vận tải			2.297.000	2.297.000	2.297.000	
				2.297.000	2.297.000	2.297.000	
I	NGÀNH GIAO THÔNG			2.297.000	2.297.000	2.297.000	
(1)	Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	38228	141/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2023	2.297.000	2.297.000	2.297.000	



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	150.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	150.000
1	Vốn trong nước	150.000



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	150.000	150.000	
	Các hoạt động kinh tế	150.000	150.000	
-	<i>Công nghệ thông tin</i>	<i>150.000</i>	<i>150.000</i>	



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			150.000	150.000	150.000				
	Bộ Khoa học và Công nghệ			150.000	150.000	150.000				
I	Công nghệ thông tin			150.000	150.000	150.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			150.000	150.000	150.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			150.000	150.000	150.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			150.000	150.000	150.000				
(1)	Nâng cấp, mở rộng Chính phủ điện tử tại Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025	38198	2362/QĐ-BKHCN ngày 29/11/2022	150.000	150.000	150.000				



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.097.972
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.097.972
1	Vốn trong nước	1.097.972



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.097.972	1.097.972	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.097.972	1.097.972	



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
	Bộ Giáo dục và Đào tạo			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.131.972	1.097.972		1.097.972			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cơ sở II - Trường Đại học Vinh	38192	4618/QĐ-BGĐĐT (29/12/2022)	797.972	797.972		797.972			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung, Nam (giai đoạn 2)	38193	4619/QĐ-BGĐĐT (29/12/2022)	334.000	300.000		300.000			



Phụ lục II
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Kế hoạch 2021 - 2025 bổ sung
Tổng số	444.407
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	444.407
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	444.407
Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc ⁽¹⁾	444.407

Ghi chú:

⁽¹⁾: Đầu tư cơ sở vật chất cho các Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80.



Bộ Y tế

Phụ lục I
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			4.891.789	4.335.649	7.000	2.009.012			
	Bộ Y tế			4.891.789	4.335.649	7.000	2.009.012			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			416.000	400.000		400.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			416.000	400.000		400.000			
	a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		416.000	400.000		400.000			
	-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		416.000	400.000		400.000			
	(1)	Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Dược Thái Bình (giai đoạn 3)	32583	3136/QĐ-BYT ngày 21/11/2022	310.000	300.000		300.000		
(2)	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở 2 Trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	32584	1783/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	106.000	100.000		100.000			
II	Y tế, dân số và gia đình			4.475.789	3.935.649	7.000	1.609.012			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			4.475.789	3.935.649	7.000	1.609.012			
	a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.727.418	1.638.649		87.012			
	-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020		620.354	545.354		18.838			
	(1)	Dự án cải tạo nâng cấp Bệnh viện Phong và Da liễu Trung ương Quỳnh lập	38234	6608 31/10/2018	25.000	25.000		238		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(2)	Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp Bệnh viện Tâm thần TƯ 1	38235	3143 21/8/2014	145.354	145.354	1.470				
(3)	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa Đồng Hới	38236	4942 15/12/2009 3087 18/8/2014 1099 1/2/2018	450.000	375.000	17.130				
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			1.107.064	1.093.295	68.174				
(1)	Dự án xây dựng, mở rộng Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	38237	6609 31/10/2018	45.000	40.000	14.677				
(2)	Dự án đầu tư xây dựng Viện Sốt rét Ký sinh trùng côn trùng TP Hồ Chí Minh	38230	4878 31/10/2017 5257 6/11/2019	39.269	30.500	12.220				
(3)	Dự án đầu tư trang thiết bị và cải tạo mở rộng khoa ngoại lồng ngực để phát triển lĩnh vực tim mạch (giai đoạn 1) Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	38231	2730 29/6/2020	70.000	70.000	4.300				
(4)	Dự án xây dựng Trung tâm ung bướu Bệnh viện E	38232	4072 31/10/2011 4875 31/10/2017	568.000	568.000	6.457				
(5)	Dự án đầu tư xây dựng khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Bệnh viện E	38233	4612 31/10/2015	384.795	384.795	30.520				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			2.748.371	2.297.000	7.000	1.522.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.446.371	995.000	880.000				
(1)	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ	38238	1210 3/3/2023	199.984	180.000	180.000				

3

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(2)	Dự án xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Thái Thịnh	38242	1321 9/3/2023	517.755	150.000		50.000			
(3)	Dự án Xây dựng, mua sắm TTB cho Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ	32543	1166 3/3/2023	85.000	85.000		70.000			
(4)	Dự án xây dựng Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2	32567	1787/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	350.000	300.000		300.000			
(5)	Dự án đầu tư xây dựng khu điều trị khoa Sản, Nhi Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba Đồng Hới	36603	1782/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	193.632	180.000		180.000			
(6)	Dự án cải tạo, nâng cấp, trang thiết bị Viện Kiểm định Quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế giai đoạn II	36605	1785/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	100.000	100.000		100.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.302.000	1.302.000	7.000	642.000			
(1)	Dự án xây dựng, nâng cấp và cải tạo Bệnh viện Phong- Da liễu Trung ương Quy Hòa hướng tới là Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Trung Bộ	36610	1784/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	755.000	755.000	5.000	250.000			
(2)	Dự án Trung tâm chăm sóc và điều trị chất lượng cao của Bệnh viện C Đà Nẵng	32563	1786/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	547.000	547.000	2.000	392.000			



Bộ Y tế

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	1.465.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	1.465.000



Bộ Y tế

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			1.611.659	1.465.000	1.465.000	
	Bộ Y tế			1.611.659	1.465.000	1.465.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			1.611.659	1.465.000	1.465.000	
(1)	Dự án Đầu tư mua sắm TTB y tế Bệnh viện Hữu Nghị	38082	QĐ 3233/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	135.220	130.000	130.000	
(2)	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh Bệnh viện C Đà Nẵng	38083	QĐ 3424/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	120.000	120.000	120.000	
(3)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Thống Nhất	38084	QĐ 3218/QĐ-BYT ngày 02/12/2022	128.200	125.000	125.000	
(4)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Chợ Rẫy	38085	QĐ 3423/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	114.072	80.000	80.000	
(5)	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Bạch Mai	38086	QĐ 3232/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	242.600	200.000	200.000	
(6)	Dự án nâng cao năng lực phòng chống dịch Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	38087	QĐ 3422/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	61.780	60.000	60.000	
(7)	Dự án xây dựng Trung tâm hồi sức tích cực chống độc và mua sắm thiết bị Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	38088	QĐ 3243/QĐ-BYT ngày 5/12/2022	154.656	130.000	130.000	
(8)	Dự án xây dựng mở rộng một số khoa điều trị Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	38089	QĐ 3234/QĐ-BYT ngày 5/12/2022	77.000	70.000	70.000	
(9)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện E giai đoạn 2022-2023	38090	QĐ 3235/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	138.066	130.000	130.000	
(10)	Dự án đầu tư xây dựng Khối điều trị Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam- Cuba Đồng Hới	38091	QĐ 3244/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	50.000	50.000	50.000	
(11)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam	38092	QĐ 3242/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	31.165	30.000	30.000	
(12)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Phổi Trung ương	38093	QĐ 3488/QĐ-BYT ngày 29/12/2022	120.000	120.000	120.000	
(13)	Dự án cải tạo sửa chữa và mua sắm TTB Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	38094	QĐ 65/QĐ-BYT ngày 13/01/2023	60.000	60.000	60.000	
(14)	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm đánh giá động vật thí nghiệm Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế	38095	QĐ 3530/QĐ-BYT ngày 31/12/2022	128.900	110.000	110.000	
(15)	Dự án cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, phòng thí nghiệm và mua sắm trang thiết bị thử nghiệm, kiểm định, kiểm tra, kiểm soát chất lượng trang thiết bị y tế của Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	38096	QĐ 3481/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	50.000	50.000	50.000	



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.200.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.200.000
1	Vốn trong nước	1.200.000



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.200.000	1.200.000	
	Văn hóa, thông tin	1.100.000	1.100.000	
	Các hoạt động kinh tế	100.000	100.000	
-	<i>Công nghệ thông tin</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			1.800.000	1.800.000	205.000	1.200.000			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			1.800.000	1.800.000	205.000	1.200.000			
I	Văn hóa, thông tin			1.700.000	1.700.000	205.000	1.100.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.700.000	1.700.000	205.000	1.100.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.700.000	1.700.000	205.000	1.100.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			500.000	500.000	200.000	300.000			
(1)	Tu bổ, cải tạo Nhà hát lớn Hà Nội	38181	1688/QĐ-BVHTTDL, 26/05/2021; 3599/QĐ-BVHTTDL, 22/12/2022	500.000	500.000	200.000	300.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.200.000	1.200.000	5.000	800.000			
(1)	Nhà hát Kịch Việt Nam cơ sở 2	38182	1696/QĐ-BVHTTDL, 26/5/2021; 199/QĐ-BVHTTDL, 08/02/2023	700.000	700.000	5.000	300.000			
(2)	Cải tạo và nâng cấp Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam	38184	3625/QĐ-BVHTTDL, 23/12/2022	500.000	500.000		500.000			
II	Công nghệ thông tin			100.000	100.000		100.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			100.000	100.000		100.000			

2

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XD CB
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			100.000	100.000	100.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			100.000	100.000	100.000				
(1)	Trung tâm điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	38199	3551/QĐ-BVHTTDL, 21/12/2022	100.000	100.000	100.000				



Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	300.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	300.000
1	Vốn trong nước	300.000



Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	300.000	300.000	
	Các hoạt động kinh tế	300.000	300.000	
-	Công nghệ thông tin	300.000	300.000	



Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			300.000	300.000	300.000				
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			300.000	300.000	300.000				
I	Công nghệ thông tin			300.000	300.000	300.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			300.000	300.000	300.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			300.000	300.000	300.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			300.000	300.000	300.000				
(1)	Xây dựng hạ tầng số và Trung tâm điều hành Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	38194	1186/QĐ-LĐTBXH ngày 08/12/2022	300.000	300.000	300.000				



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			2.223.517	2.223.517	1.270.071			362.417	451.834		1.359.488		
	Bộ Tài nguyên và Môi trường			2.223.517	2.223.517	1.270.071			362.417	451.834		1.359.488		
									48.000			52.000		
I	Khoa học, công nghệ			256.517	256.517	100.000			48.000			52.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			256.517	256.517	100.000								
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			256.517	256.517	100.000			48.000			52.000		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			256.517	256.517	100.000			48.000			52.000		
(1)	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Liên cơ quan các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường	13922	2150/QĐ-BTNMT ngày 22/8/2019	256.517	256.517	100.000			48.000			52.000		
									312.617			54.455		
II	Tài nguyên			370.000	370.000	367.072			312.617			54.455		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			370.000	370.000	367.072			312.617			54.455		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			370.000	370.000	367.072			312.617			54.455		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			370.000	370.000	367.072			312.617			54.455		
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ điều tra cơ bản cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	31868	1488/QĐ-BTNMT ngày 06/7/2020	370.000	370.000	367.072			312.617			54.455		
				135.000	135.000	1.800			1.800					
III	Kho tàng			135.000	135.000	1.800			1.800					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			135.000	135.000	1.800			1.800					
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			135.000	135.000	1.800			1.800					
(1)	Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, trang thiết bị bảo quản, lưu trữ tư liệu KTTV và trang thiết bị công nghệ thông tin cho trung tâm dữ liệu Datacenter (DC) Hà Nội	31948	993/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2021	135.000	135.000	1.800			1.800					
				789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		
IV	Công nghệ thông tin			789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		
(1)	Dự án Xây dựng hoàn thiện CSDL TNMT kết nối liên thông với các CSDL/HTTT	31951	3067/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2022	789.000	789.000	225.000				422.938		647.938		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định qũy tương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/ QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			673.000	673.000	576.199					28.896		605.095	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			673.000	673.000	576.199					28.896		605.095	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			673.000	673.000	576.199					28.896		605.095	
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			673.000	673.000	576.199					28.896		605.095	
(1)	Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	13924	948/QĐ-BTNMT 16/4/2020	673.000	673.000	576.199					28.896		605.095	



Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục I.A

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú												
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT										Tổng số	Trong đó:				Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)				Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15				Trong đó:									
							Trong đó: vốn NSTW																																				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW																					Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW					
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt			Điều chỉnh giảm																						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
									NSTW	NSDP			Đưa vào	Vay lại																													
						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417							854.371	39.671	814.700																	
Bộ Tài nguyên và Môi trường						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417								854.371	39.671	814.700																
Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417								854.371	39.671	814.700																
Môi trường						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417								854.371	39.671	814.700																
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417									854.371	39.671	814.700															
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417									854.371	39.671	814.700															
Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						289.301	82.469	82.469		206.832	206.832		943.788	129.088		814.700	89.417									854.371	39.671	814.700															
(1)	Tiểu Dự án 2: "Nâng cấp xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu"	1869	WB			129/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2021; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	204.336	25.255	25.255		179.081	179.081		140.351	19.517		120.834	11.631								128.720	7.886	120.834															
(2)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) (Phần do Tổng cục Quản lý đất đai thực hiện từ nguồn NSTW)	1874	WB			2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021	84.965	57.214	57.214		27.751	27.751		803.437	109.571		693.866	77.786								725.651	31.785	693.866															



Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	30.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	30.000
1	Vốn trong nước	30.000



Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I.A
BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	30.000	30.000	
	Các hoạt động kinh tế	30.000	30.000	
-	Công nghệ thông tin	30.000	30.000	



Ủy ban dân tộc

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			60.000	60.000	30.000	30.000			
	Ủy ban dân tộc			60.000	60.000	30.000	30.000			
I	Công nghệ thông tin			60.000	60.000	30.000	30.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			60.000	60.000	30.000	30.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			60.000	60.000	30.000	30.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			60.000	60.000	30.000	30.000			
(1)	Xây dựng Kho dữ liệu và Hệ thống khai thác thông tin thống kê công tác dân tộc và dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số	35168	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	60.000	60.000	30.000	30.000			



Đài Tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	200.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	200.000
1	Vốn trong nước	200.000



Đài Tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	200.000	200.000	
	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	200.000	200.000	



Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			500.000	500.000	300.000	200.000			
	Đài tiếng nói Việt Nam			500.000	500.000	300.000	200.000			
I	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			500.000	500.000	300.000	200.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			500.000	500.000	300.000	200.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			500.000	500.000	300.000	200.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			500.000	500.000	300.000	200.000			
(1)	Đầu tư xây dựng hệ thống phát sóng AM/DRM phủ sóng khu vực biển đảo Trung Bộ và quần đảo Hoàng Sa, hệ thống phát sóng FM phủ sóng khu vực biên giới Đông Bắc và Tây Nam	36837	2990/QĐ-TNVN ngày 23/11/2022	500.000	500.000	300.000	200.000			



Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.C
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			231.000	231.000	115.320			22.000	22.000		115.320		
	Đài tiếng nói Việt Nam			231.000	231.000	115.320			22.000	22.000		115.320		
	I			150.000	150.000	101.160			22.000			79.160		
	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			150.000	150.000	101.160			22.000			79.160		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			150.000	150.000	101.160			22.000			79.160		
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			150.000	150.000	101.160			22.000			79.160		
(1)	Xây dựng hệ thống quản trị, sản xuất, cung cấp, lưu trữ chương trình đa phương tiện của Đài TNVN	33997	1286/QĐ-TNVN, 29/4/2021	150.000	150.000	101.160			22.000			79.160		
	II			81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).													
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		
	a			81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		
(1)	Xây dựng Trụ sở CQTT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - Đài TNVN	990	2136, 28/8/2020	81.000	81.000	14.160				22.000		36.160		



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	295.688
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	295.688
1	Vốn trong nước	295.688



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	295.688	295.688	
	Các hoạt động kinh tế	295.688	295.688	
-	Công nghệ thông tin	295.688	295.688	



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			297.096	295.688		295.688			
	Kiểm toán Nhà nước			297.096	295.688		295.688			
I	Công nghệ thông tin			297.096	295.688		295.688			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			297.096	295.688		295.688			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			297.096	295.688		295.688			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			297.096	295.688		295.688			
(1)	Xây dựng nền tảng dữ liệu lớn và hệ thống quản lý thông tin đối tượng kiểm toán	38196	1471/QĐ-KTNN, ngày 29/11/2022	297.096	295.688		295.688			



Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	304.500
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	304.500
1	Vốn trong nước	304.500



Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	304.500	304.500	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	28.500	28.500	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	276.000	276.000	



Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			399.200	399.200	85.700	304.500			
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam			399.200	399.200	85.700	304.500			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			123.200	123.200	85.700	28.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			123.200	123.200	85.700	28.500			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			123.200	123.200	85.700	28.500			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			123.200	123.200	85.700	28.500			
(1)	Trụ sở Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam-Giai đoạn 2	24872	Số 1717b/QĐ-MTTW-BTT ngày 14/11/2022	123.200	123.200	85.700	28.500			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			276.000	276.000		276.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			276.000	276.000		276.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			276.000	276.000		276.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			276.000	276.000		276.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(1)	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại 80-82 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội và tại 46 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	38160	Số 1718a/QĐ-MTTW-BTT ngày 15/11/2022	276.000	276.000	276.000				



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.000.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.000.000
1	Vốn trong nước	1.000.000



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.000.000	1.000.000	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.000.000	1.000.000	



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XD CB
	Tổng số			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
	Đại học Quốc gia Hà Nội			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.000.000	1.000.000		1.000.000			
(1)	Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (QG-HN07) (đầu tư Zone 1, Zone 2, Zone 3)	38185	515/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/2/2023	470.000	470.000		470.000			
(2)	Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm thực hành kỹ thuật công nghệ theo định hướng công nghệ 4.0 của ĐHQGHN	38186	4234/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	210.000	210.000		210.000			
(3)	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT và trung tâm sáng tạo nghệ thuật theo định hướng chuyển đổi số tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	38187	4235/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	100.000	100.000		100.000			
(4)	Dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng công nghệ phục vụ công tác quản lý theo mô hình đô thị thông minh của ĐHQGHN tại Hòa Lạc	38188	4236/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	150.000	150.000		150.000			

2

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(5)	Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm thực hành đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực nhà hàng, khách sạn của ĐHQGHN	38189	4237/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	70.000	70.000	70.000				



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	486.994
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	486.994
1	Vốn trong nước	486.994



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	486.994	486.994	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	486.994	486.994	



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			486.994	486.994		486.994			
	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh			486.994	486.994		486.994			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			486.994	486.994		486.994			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			486.994	486.994		486.994			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			486.994	486.994		486.994			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			486.994	486.994		486.994			
(1)	Xây dựng một số công trình thiết yếu phục vụ cho giảng dạy, đào tạo và đầu tư một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật chung thiết yếu trong Khu đô thị ĐHQG-HCM	38190	1584; 29/11/2022	206.995	206.995		206.995			
(2)	Đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ cho nghiên cứu khoa học tại ĐHQG-HCM	38191	1585; 29/11/2022	279.999	279.999		279.999			



Ban Quản lý Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	200.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	200.000
1	Vốn trong nước	200.000



Ban Quản lý Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	200.000	200.000	
	Văn hóa, thông tin	200.000	200.000	



Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			200.000	200.000		200.000			
	Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam			200.000	200.000		200.000			
I	Văn hóa, thông tin			200.000	200.000		200.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			200.000	200.000		200.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			200.000	200.000		200.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			200.000	200.000		200.000			
(1)	Khu nghỉ lễ thờ Tổ	38183	299/QĐ-LVHDL ngày 29/11/2022	200.000	200.000		200.000			



Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Phụ lục I
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			671.016	671.016	2.100	410.897			
	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc			671.016	671.016	2.100	410.897			
I	Khoa học, công nghệ			671.016	671.016	2.100	410.897			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			671.016	671.016	2.100	410.897			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			671.016	671.016	2.100	410.897			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			49.551	49.551		49.551			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thu gom nước thải Khu CNC Hòa Lạc từ khu vực phía Nam đại lộ Thăng Long về nhà máy xử lý nước thải tại phía Bắc đại lộ Thăng Long	27554	2403/QĐ-CNCHL ngày 28/9/2021	49.551	49.551		49.551			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			621.465	621.465	2.100	361.346			
(1)	Dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	27553	2375/QĐ-BKHCN ngày 24/9/2021	621.465	621.465	2.100	361.346			



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	159.478
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	159.478
1	Vốn nước ngoài	159.478



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	159.478		159.478
	Các hoạt động kinh tế	159.478		159.478
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	154.800		154.800
-	Cấp nước, thoát nước	4.678		4.678



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú							
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT				Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:						
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
						Tổng số	Trong đó:		Tổng số											Trong đó:			Tổng số	Trong đó: Thu hối các khoản vốn ứng trước NSTW	
							NSTW	NSDP												Tổng số	Trong đó:				
	Tổng số			703.207	124.176	30.769	93.407		579.031	540.671	38.360	40.295	10.295	30.000	159.478		159.478								
	Hà Giang			703.207	124.176	30.769	93.407		579.031	540.671	38.360	40.295	10.295	30.000	159.478		159.478								
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			473.634	90.034		90.034		383.600	345.240	38.360				154.800		154.800								
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			473.634	90.034		90.034		383.600	345.240	38.360				154.800		154.800								
	a	Dự án khởi công mới 2021-2025			473.634	90.034		90.034		383.600	345.240	38.360				154.800		154.800							
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản	38000	JICA	1549/QĐ-TTg, 15/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	473.634	90.034		90.034	1.759,50 triệu Yên		383.600	345.240	38.360			154.800		154.800							
II	Cấp nước, thoát nước				229.573	34.142	30.769	3.373		195.431	195.431		40.295	10.295	30.000	4.678		4.678							
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				229.573	34.142	30.769	3.373		195.431	195.431		40.295	10.295	30.000	4.678		4.678							
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				229.573	34.142	30.769	3.373		195.431	195.431		40.295	10.295	30.000	4.678		4.678							
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020				229.573	34.142	30.769	3.373		195.431	195.431		40.295	10.295	30.000	4.678		4.678							
(1)	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hà Giang	77	DANIDA	QB số 1241/ QB-TTg ngày 16/7/2021; QB số 2915/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	229.573	34.142	30.769	3.373	7.374.754 Euro		195.431	195.431	40.295	10.295	30.000	4.678		4.678							



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	2.522.410
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.522.410
1	Vốn trong nước	2.157.170
2	Vốn nước ngoài	365.240



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	2.522.410	2.157.170	365.240
	Văn hóa, thông tin	90.000	90.000	
	Các hoạt động kinh tế	2.432.410	2.067.170	365.240
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	355.340		355.340
-	Giao thông	2.067.170	2.067.170	
-	Cấp nước, thoát nước	9.900		9.900



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			6.895.000	4.587.170	2.157.170				
	Tuyên Quang			6.895.000	4.587.170	2.157.170				
I	Văn hóa, thông tin			95.000	90.000	90.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			95.000	90.000	90.000				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			95.000	90.000	90.000				
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			95.000	90.000	90.000				
(1)	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang	38174	01/NQ-HĐND, 28/02/2023	95.000	90.000	90.000				
II	Giao thông			6.800.000	4.497.170	2.067.170				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			6.800.000	4.497.170	2.067.170				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			6.800.000	4.497.170	2.067.170				
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			6.800.000	4.497.170	2.067.170				
(1)	Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	38163	87/NQ-HĐND, 21/12/2021; 25/NQ-HĐND, 16/8/2022; 45/NQ-HĐND; 09/12/2022	6.800.000	4.497.170	2.067.170				



Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Tuyên Quang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng/Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT									Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Tính bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt/ đưa vào cân đối NSTW)						
						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó										
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số				1.008.100	208.560		208.560		799.540	720.576	78.964			365.340		365.340				
	Tuyên Quang				1.008.100	208.560		208.560		799.540	720.576	78.964			365.340		365.340				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điện nghiệp, thủy lợi và thủy sản				998.200	208.560		208.560		789.640	710.676	78.964			355.340		355.340				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				998.200	208.560		208.560		789.640	710.676	78.964			355.340		355.340				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				998.200	208.560		208.560		789.640	710.676	78.964			355.340		355.340				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				998.200	208.560		208.560		789.640	710.676	78.964			355.340		355.340				
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Tuyên Quang	37982	JICA	456/QĐ-TTg, 13/4/2022	998.200	208.560		208.560	4893.2	789.640	710.676	78.964			355.340		355.340				
II	Cấp nước, thoát nước				9.900					9.900	9.900				9.900		9.900				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				9.900					9.900	9.900				9.900		9.900				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				9.900					9.900	9.900				9.900		9.900				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				9.900					9.900	9.900				9.900		9.900				
(1)	Dự án cấp nước sinh hoạt gắn với phát triển nông nghiệp bền vững xã Khuôn Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	37990	MLCSF	641/QĐ- UBND, 24/11/2022	9.900					9.900	9.900				9.900		9.900				



Đơn vị tính: Triệu đồng

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

[illegible]

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú							
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án	Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)				Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15				Tổng số	Trong đó:								
							Trong đó: vốn NSTW																										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																						
																											Trong đó		Quy đổi ra tiền Việt				
																															Tổng số	NSTW	NSDP
Đưa vào	Vay lại																																
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						843.287	171.189	154.070			672.098	625.051	47.047	233.600	70.000	163.600			17.074			216.526	70.000	146.526								
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						843.287	171.189	154.070			672.098	625.051	47.047	233.600	70.000	163.600			17.074			216.526	70.000	146.526								
(1)	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB):	104	WB			1497, 17/12/2014; 375/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	843.287	171.189	154.070		32	672.098	625.051	47.047	233.600	70.000	163.600			17.074			216.526	70.000	146.526								



Tỉnh Tuyên Quang

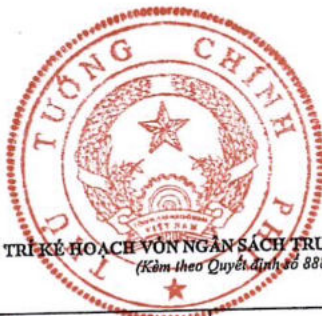
Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	2.430.000
1	NGÀNH GIAO THÔNG	2.430.000



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			6.800.000	4.497.170	2.430.000	
	Tuyên Quang			6.800.000	4.497.170	2.430.000	
I	NGÀNH GIAO THÔNG			6.800.000	4.497.170	2.430.000	
(1)	Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	37546	87/NQ-HĐND, 21/12/2021; 25/NQ-HĐND, 16/8/2022; 45/NQ-HĐND; 09/12/2022	6.800.000	4.497.170	2.430.000	



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	101.898
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	101.898
1	Vốn nước ngoài	101.898



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	101.898		101.898
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	101.898		101.898



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
						Tổng số	Trong đó		Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số			Trong đó		Tổng số
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									Vay lại		
	Tổng số				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
	Cao Bằng				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
I	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				299.006	72.564		72.564		226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Cao Bằng	37986	JICA	716/QĐ-TTg 13/6/2022	299.006	72.564		72.564	1.110 triệu Yên (9,769 triệu USD)	226.442	203.798	22.644			101.898		101.898					



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	280.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	280.000
1	Vốn nước ngoài	280.000



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	280.000		280.000
	Xã hội	280.000		280.000



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
	Tổng số			11.458.072	2.897.559		2.695.810		
	Lạng Sơn			11.458.072	2.897.559		2.695.810		
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế			147.759	147.559		53.912		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			147.759	147.559		53.912		
(1)	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	37954	43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/ NQ-HĐND ngày 24/3/2022	147.759	147.559		53.912		
II	Giao thông			690.313	250.000		141.898		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			690.313	250.000		141.898		
(1)	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	37955	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	250.000		141.898		
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			10.620.000	2.500.000		2.500.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			10.620.000	2.500.000		2.500.000		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			10.620.000	2.500.000		2.500.000		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			10.620.000	2.500.000		2.500.000		
(1)	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	31409	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	10.620.000	2.500.000		2.500.000		



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.C
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỈNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)			Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm				
	Tổng số			181.198	111.000	20.000			2.000			18.000	
	Lạng Sơn			181.198	111.000	20.000			2.000			18.000	
I	Giao thông			181.198	111.000	20.000			2.000			18.000	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			181.198	111.000	20.000							
(1)	Cầu thị trấn Lộc Bình	4667	1681 ngày 25/10/2014; 314/QĐ-UBND, 27/2/2017; 2090a/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	181.198	111.000	20.000			2.000			18.000	



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.D

GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
	Lạng Sơn			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
I	Xã hội			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000			
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn	37984	JICA	576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022	813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312			280.000			280.000		



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	80.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	80.000
1	Vốn nước ngoài	80.000



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	80.000		80.000
	Các hoạt động kinh tế	80.000		80.000
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	80.000		80.000



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			400.000	385.034	320.000	40.000			
	Lào Cai			400.000	385.034	320.000	40.000			
I	Y tế, dân số và gia đình			400.000	385.034	320.000	40.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			400.000	385.034	320.000	40.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			400.000	385.034	320.000	40.000			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			400.000	385.034	320.000	40.000			
(1)	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	27579	NQ số 44 ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	200.000	185.034	150.000	20.000			
(2)	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà	37178	NQ số 44 ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	200.000	200.000	170.000	20.000			



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục LC
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DÀNH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)						
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó										
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
	Lào Cai			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			672.287	233.147	70.000	163.147		439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000				
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai	3421	JICA	1624/QĐ-TTg ngày 27/12/2022	672.287	233.147	70.000	163.147	18.895.000 USD	439.140	219.570	219.570			150.000	70.000		80.000			



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	156.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	156.000



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			216.000	156.000	156.000	
	Lào Cai			216.000	156.000	156.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			216.000	156.000	156.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	37984	Số 08/NQ-HĐND ngày 10/03/2023	85.000	55.000	55.000	
(2)	Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	37985	Số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	75.000	45.000	45.000	
(3)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 09 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Lào Cai	37986	Số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	56.000	56.000	56.000	



Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	294.619
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	294.619
1	Vốn nước ngoài	294.619



Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	294.619		294.619
	Y tế, dân số và gia đình	1.402		1.402
	Các hoạt động kinh tế	293.217		293.217
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	180.000		180.000
-	Công trình công cộng tại các đô thị	113.217		113.217



Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.B
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)						
						Vốn đối ứng		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			
						Tổng số	NSTW		NSDP	Tổng số									Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại
	Tổng số				1.956.193	635.151	635.151		1.321.042	1.014.488		306.554	524.772		524.772			294.619		
	Yên Bái				1.956.193	635.151	635.151		1.321.042	1.014.488	306.554	524.772		524.772	294.619					
					38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
I	Y tế, dân số và gia đình				38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
(I)	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho Bệnh viện đa khoa huyện Lục Yên và 10 phòng Khám đa khoa khu vực - tỉnh Yên Bái	185	KFW	Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 ; Quyết định số 2793/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 ; QĐ số 609/QĐ-TTg ngày 26/4/2021	38.095	6.700	6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402					
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				494.452	92.752	92.752		401.700	361.530	40.170			180.000		180.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				494.452	92.752	92.752		401.700	361.530	40.170			180.000		180.000				
a	Dự án khởi công mới 2021-2025				494.452	92.752	92.752		401.700	361.530	40.170			180.000		180.000				
(I)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Yên Bái sử dụng vốn vay Nhật Bản	37997	JP	1593/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	494.452	92.752	92.752	17340000	401.700	361.530	40.170			180.000		180.000				
III	Công trình công cộng tại các đô thị				1.423.646	535.699	535.699		887.947	621.563	266.384	495.772	495.772	113.217		113.217				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				1.423.646	535.699	535.699		887.947	621.563	266.384	495.772	495.772	113.217		113.217				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.423.646	535.699	535.699		887.947	621.563	266.384	495.772	495.772	113.217		113.217				
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				1.423.646	535.699	535.699		887.947	621.563	266.384	495.772	495.772	113.217		113.217				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT									Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)							
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó													
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại												
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	3146	WB	QB 289/QB- TTg ngày 18/3/2019; 466/QB- UBND ngày 21/3/2019; QB 26/QB-TTG ngày 06/01/2020; QB 400/QB- UBND ngày 3/3/2020	1.423.646	535.699		535.699	39460000	887.947	621.563	266.384	495.772		495.772	113.217			113.217				



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	71.245
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	71.245
1	Vốn nước ngoài	71.245



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	71.245		71.245
	Các hoạt động kinh tế	71.245		71.245
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	71.245		71.245



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ để giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng			
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số		Trong đó: Thu bồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
	Thái Nguyên				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				921.178	208.732		208.732		712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				
(1)	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	37983	JICA	983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	208.732		208.732	39,805 triệu USD	712.446	356.223	356.223			71.245		71.245				



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	305.800
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	305.800
1	Vốn nước ngoài	305.800



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	305.800		305.800
	Các hoạt động kinh tế	305.800		305.800
-	Giao thông	295.000		295.000
-	Cấp nước, thoát nước	10.800		10.800



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.B
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giáo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW								Vay lại	
	Tổng số				882.456	215.883	215.883		666.522	600.995	65.577			305.800		305.800				
	Bắc Kạn				882.456	215.883	215.883		666.522	600.995	65.577			305.800		305.800				
	I Cấp nước, thoát nước				10.850	50	50		10.800	10.800				10.800		10.800				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				10.850	50	50		10.800	10.800				10.800		10.800				
	a Dự án khởi công mới 2021-2025				10.850	50	50		10.800	10.800				10.800		10.800				
(I)	Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng đặc biệt khó khăn huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	37978	MLCSF	1791/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	10.850	50	50	468000 USD	10.800	10.800				10.800		10.800				
II	Giao thông				871.606	215.833	215.833		655.722	590.195	65.577			295.000		295.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				871.606	215.833	215.833		655.722	590.195	65.577			295.000		295.000				
	a Dự án khởi công mới 2021-2025				871.606	215.833	215.833		655.722	590.195	65.577			295.000		295.000				
(I)	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Kạn	37977	JICA	613/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	871.606	215.833	215.833	37663000 USD	655.722	590.195	65.577			295.000		295.000				



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	103.916
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	103.916
1	Vốn trong nước	88.000
2	Vốn nước ngoài	15.916



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	103.916	88.000	15.916
	Văn hóa, thông tin	88.000	88.000	
	Các hoạt động kinh tế	15.916		15.916
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	15.916		15.916



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			300.000	88.000		88.000			
	Phú Thọ			300.000	88.000		88.000			
I	Văn hóa, thông tin			300.000	88.000		88.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			300.000	88.000		88.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			300.000	88.000		88.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			300.000	88.000		88.000			
(1)	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng cảnh quan Khu di tích lịch sử Đền Hùng	38167	18/NQ-HĐND, 09/12/2022	300.000	88.000		88.000			



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.C
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)						
						Tổng số	Trong đó:		Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
	Phú Thọ				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				216.830	11.470	11.470			205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			
(1)	Dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập toàn tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập sử dụng nguồn vốn vay WB (WB8)	1910	WB	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 673/QĐ-UBND, 24/3/2016; 437/QĐ-UBND ngày 05/3/2020	216.830	11.470	11.470		0	205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916		15.916			



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	282.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	282.000



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			315.640	282.000	282.000	
	Phú Thọ			315.640	282.000	282.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			315.640	282.000	282.000	
(1)	Dự án đầu tư 08 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Phú Thọ	37996	03/NQ-HĐND, 30/5/2022; 17/NQ-HĐND, 09/12/2022; 01/NQ-HĐND, 24/3/2023	315.640	282.000	282.000	



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	77.058
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	77.058
1	Vốn trong nước	70.000
2	Vốn nước ngoài	7.058

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	77.058	70.000	7.058
	Văn hóa, thông tin	70.000	70.000	
	Bảo vệ môi trường	7.058		7.058



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			108.539	70.000	70.000				
	Bắc Giang			108.539	70.000	70.000				
I	Văn hóa, thông tin			108.539	70.000	70.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			108.539	70.000	70.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			108.539	70.000	70.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			108.539	70.000	70.000				
(1)	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	38166	42/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	108.539	70.000	70.000				



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.C
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung/hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng						Tính bằng nguyên tệ		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó				Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
	Tổng số				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
	Bắc Giang				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
I	Tài nguyên				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
x	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				160.910	25.663		25.663		135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang, vay vốn Ngân hàng Thế giới	38001	WB	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/BTNMT-KH; 431/QĐ-UBND, 02/7/2019; 969/QĐ-UBND, 16/12/2019; 356/QĐ-UBND, 10/3/2022	160.910	25.663		25.663	6.957.980 USD	135.248	121.723	13.525		7.058			7.058					



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	44.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	44.000



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			44.940	44.000	44.000	
	Bắc Giang			44.940	44.000	44.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			44.940	44.000	44.000	
(1)	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	38220	210/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	44.940	44.000	44.000	



Tỉnh Hoà Bình

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.593.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.593.000
1	Vốn trong nước	3.593.000



Tỉnh Hoà Bình

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	3.593.000	3.593.000	
	Các hoạt động kinh tế	3.593.000	3.593.000	
-	Giao thông	3.593.000	3.593.000	

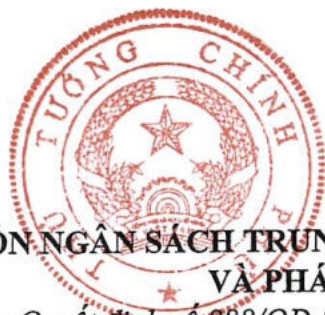


Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 838/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
	Hòa Bình			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
I	Giao thông			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			9.777.000	8.243.000		3.593.000			
(1)	Dự án đầu tư đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ km19 đến km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình)	38162	171/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; 187/NQ-HĐND ngày 20/10/2022; 198/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	9.777.000	8.243.000		3.593.000			



Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	4.650.000
1	NGÀNH GIAO THÔNG	4.650.000



Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			9.777.000	8.243.000	4.650.000	
	Hòa Bình			9.777.000	8.243.000	4.650.000	
I	NGÀNH GIAO THÔNG			9.777.000	8.243.000	4.650.000	
(1)	Đầu tư đường cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu (đoạn từ Km19 đến Km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình)	37547	171/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; 187/NQ-HĐND ngày 20/10/2022; 198/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	9.777.000	8.243.000	4.650.000	



Tỉnh Sơn La

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	177.639
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	177.639
1	Vốn nước ngoài	177.639



Tỉnh Sơn La

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	177.639		177.639
	Bảo vệ môi trường	86.739		86.739
	Các hoạt động kinh tế	90.900		90.900
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	90.900		90.900



Tỉnh Sơn La

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Xem theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)				
						Tổng số	Vốn đối ứng		Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó								
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				1.319.227	297.035	297.035		1.022.192	780.103	242.089		177.639		177.639				
	Sơn La				1.319.227	297.035	297.035		1.022.192	780.103	242.089		177.639		177.639				
I	Môi trường				970.500	209.200	209.200		761.300	545.300	216.000		86.739		86.739				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				970.500	209.200	209.200		761.300	545.300	216.000		86.739		86.739				
■	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				970.500	209.200	209.200		761.300	545.300	216.000		86.739		86.739				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				970.500	209.200	209.200		761.300	545.300	216.000		86.739		86.739				
(I)	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	38003	AFD	157/NQ-HĐND - 10/01/2023	970.500	209.200	209.200	27,644 triệu EUR	761.300	545.300	216.000		86.739		86.739				
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				348.727	87.835	87.835		260.892	234.803	26.089		90.900		90.900				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				348.727	87.835	87.835		260.892	234.803	26.089		90.900		90.900				
■	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				348.727	87.835	87.835		260.892	234.803	26.089		90.900		90.900				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				348.727	87.835	87.835		260.892	234.803	26.089		90.900		90.900				
(I)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La sử dụng vốn vay Nhật Bản	37998	JICA	1592/QĐ-TTg 23/12/2022	348.727	87.835	87.835	1.622 triệu Yên	260.892	234.803	26.089		90.900		90.900				



Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	205.392
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	205.392
2	Vốn nước ngoài	205.392



Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	205.392		205.392
	Các hoạt động kinh tế	205.392		205.392
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	198.000		198.000
-	Cấp nước, thoát nước	7.392		7.392



Tỉnh Lai Châu

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
	Lai Châu			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
I	Giao thông			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			3.300.000	2.500.000		2.500.000			
(1)	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	33623	07/NQ-HĐND ngày 09/3/2023	3.300.000	2.500.000		2.500.000			



Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I.C
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP			Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW									Vay lại
	Tổng số				537.425	90.033	90.033	447.392	403.392	44.000			205.392			205.392				
	Lai Châu				537.425	90.033		447.392	403.392	44.000			205.392			205.392				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				530.033	90.033	90.033	440.000	396.000	44.000			198.000			198.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				530.033	90.033	90.033	440.000	396.000	44.000			198.000			198.000				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				530.033	90.033	90.033	440.000	396.000	44.000			198.000			198.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				530.033	90.033	90.033	440.000	396.000	44.000			198.000			198.000				
(1)	Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu vốn vay Nhật Bản	37988	JICA	1290/QĐ-TTg ngày 26/10/2022	530.033	90.033	90.033	22910000	440.000	396.000	44.000		198.000			198.000				
II	Cấp nước, thoát nước				7.392			7.392	7.392				7.392			7.392				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				7.392			7.392	7.392				7.392			7.392				
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				7.392			7.392	7.392				7.392			7.392				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				7.392			7.392	7.392				7.392			7.392				
(1)	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	37989	MLCSF	47/NQ-HĐND ngày 28/10/2022	7.392		316700	7.392	7.392				7.392			7.392				



Tỉnh Điện Biên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	512.676
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	512.676
1	Vốn nước ngoài	512.676



Tính Điện Biên

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	512.676		512.676
	Các hoạt động kinh tế	512.676		512.676
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	512.676		512.676



Tỉnh Điện Biên

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng				
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW									Vay lại
Tổng số	1.480.000	340.720	340.720	113.928	1.025.352	113.928			512.676		512.676									
Điện Biên	1.480.000	340.720	340.720	113.928	1.025.352	113.928			512.676		512.676									
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.480.000	340.720	340.720	113.928	1.025.352	113.928			512.676		512.676						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.480.000	340.720	340.720	113.928	1.025.352	113.928			512.676		512.676						
(1)	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên	37979	Jica	981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022	1.480.000	340.720	340.720	113.928	1.025.352	113.928			512.676		512.676					



Tỉnh Điện Biên

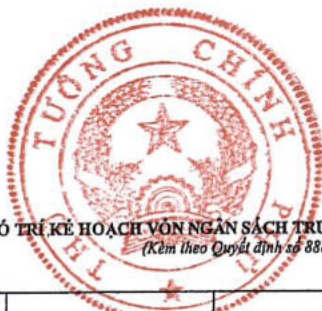
Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-ITg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	60.000
1	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM	60.000



Tỉnh Điện Biên

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			60.000	60.000	60.000	
	Điện Biên			60.000	60.000	60.000	
I	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ ĐÀỠY NGHIỆP, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM			60.000	60.000	60.000	
(1)	Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Điện Biên	38211	136/NQ-HĐND; 16/0/2023 137/NQ-HĐND; 14/02/2023	60.000	60.000	60.000	



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	273.877
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	273.877
1	Vốn nước ngoài	273.877



Thành phố Hà Nội

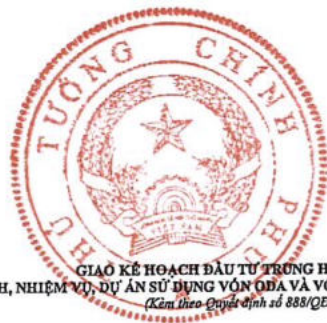
Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	273.877		273.877
	Các hoạt động kinh tế	273.877		273.877
-	Giao thông	273.877		273.877



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số					Trong đó					
							NSTW	NSEP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
	Tổng số				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
	Thành phố Hà Nội				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
I	Giao thông				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				343.535	49.000		49.000		294.535	294.535			273.877		273.877						
(1)	Hỗ trợ kỹ thuật "Chuẩn bị dự án đầu tư Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai và Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông đô thị tích hợp cho dự án đường sắt đô thị" sử dụng vốn ODA không hoàn lại của các Nhà tài trợ ADB, EU kết hợp vốn đối ứng của thành phố Hà Nội.	4073	ADB, AFD	380/QĐ-TTg ngày 23/3/2022	343.535	49.000		49.000	12,684 triệu USD	294.535	294.535			273.877		273.877						



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	100.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	100.000
1	Vốn trong nước	100.000



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	100.000	100.000	
	Văn hóa, thông tin	100.000	100.000	



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			100.000	100.000	100.000				
	Hải Dương			100.000	100.000	100.000				
I	Văn hóa, thông tin			100.000	100.000	100.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			100.000	100.000	100.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			100.000	100.000	100.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			100.000	100.000	100.000				
(1)	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hoá Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	38172	43/NQ-HĐND; ngày 08/12/2022	100.000	100.000		100.000			



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	90.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	90.000
1	Vốn trong nước	90.000



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	90.000	90.000	
	Văn hóa, thông tin	90.000	90.000	



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục LB

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			120.000	90.000	90.000				
	Hưng Yên			120.000	90.000	90.000				
I	Văn hóa, thông tin			120.000	90.000	90.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			120.000	90.000	90.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			120.000	90.000	90.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			120.000	90.000	90.000				
(1)	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	38173	341/NQ-HĐND ngày 17/02/2023	120.000	90.000	90.000				



Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	44.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	44.000



Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bổ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			44.000	44.000	44.000	
	Bắc Ninh			44.000	44.000	44.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			44.000	44.000	44.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp các trung tâm y tế huyện Gia Bình và huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh	38221	67/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	44.000	44.000	44.000	



Tỉnh Nam Định

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	50.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	50.000
1	Vốn trong nước	50.000



Tỉnh Nam Định

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	50.000	50.000	
	Văn hóa, thông tin	50.000	50.000	



Tỉnh Nam Định

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			60.000	50.000	50.000				
	Nam Định			60.000	50.000	50.000				
I	Văn hóa, thông tin			60.000	50.000	50.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			60.000	50.000	50.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			60.000	50.000	50.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			60.000	50.000	50.000				
(1)	Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đìnhh - chùa Ngô Xá, chùa Nê	38180	Số 125/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	60.000	50.000	50.000				



Tỉnh Thanh Hoá

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	310.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	310.000
1	Vốn trong nước	310.000



Tỉnh Thanh Hoá

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	310.000	310.000	
	Văn hóa, thông tin	310.000	310.000	



Tỉnh Thanh Hóa

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			945.500	310.000		310.000			
	Thanh Hóa			945.500	310.000		310.000			
I	Văn hóa, thông tin			945.500	310.000		310.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			945.500	310.000		310.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			945.500	310.000		310.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			945.500	310.000		310.000			
(1)	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3)	38164	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 11/10/2021, Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 19/11/2022	745.600	180.000		180.000			
(2)	Tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục công trình Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh	38168	Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 27/8/2022, Nghị quyết số 324/NQ-HĐND ngày 19/11/2022	199.900	130.000		130.000			



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	595.092
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	595.092
1	Vốn trong nước	60.000
2	Vốn nước ngoài	535.092



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	595.092	60.000	535.092
	Văn hóa, thông tin	60.000	60.000	
	Các hoạt động kinh tế	535.092		535.092
-	Giao thông	535.092		535.092



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			133.406	80.100		62.100			
	Nghệ An			133.406	80.100		62.100			
I	Văn hóa, thông tin			60.000	60.000		60.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			60.000	60.000		60.000			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			60.000	60.000		60.000			
(1)	Khu lưu niệm Phan Bội Châu	38169	57/NQ-HĐND ngày 12/11/2022	60.000	60.000		60.000			
II	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			73.406	20.100		2.100			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			73.406	20.100		2.100			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			73.406	20.100		2.100			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			73.406	20.100		2.100			
(1)	Các đối tượng thực hiện Nghị định 210 (nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn): Trang trại chăn nuôi bò thịt tập trung: 1.500 triệu đồng; Trang trại chăn nuôi lợn thịt siêu nạc 600 triệu đồng	11791	658/QĐ-UBND ngày 18/02/2016; 5232/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	73.406	20.100		2.100			



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.C
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giáo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số					Trong đó				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
	Tổng số			4.520.000	1.502.000		1.502.000		3.000.000	1.500.000	1.500.000			535.092		535.092						
	Nghe An			4.520.000	1.502.000		1.502.000		3.000.000	1.500.000	1.500.000			535.092		535.092						
I	Giao thông			4.520.000	1.502.000		1.502.000		3.000.000	1.500.000	1.500.000			535.092		535.092						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			4.520.000	1.502.000		1.502.000		3.000.000	1.500.000	1.500.000			535.092		535.092						
(1)	Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu	37975	WB	2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021	4.520.000	1.502.000		1.502.000	194,5 triệu USD	3.000.000	1.500.000	1.500.000			535.092		535.092					



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	69.373
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	69.373
1	Vốn nước ngoài	69.373



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	69.373		69.373
	Các hoạt động kinh tế	69.373		69.373
-	Giao thông	69.373		69.373



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
	Tổng số				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
	Hà Tĩnh				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
I	Giao thông				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				1.378.583	391.011	182.587	208.424		987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			
(1)	Hệ tăng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIG2, vay vốn Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	2762	ADB	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/ QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	182.587	208.424	44.250.000 USD	987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373			



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	170.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	170.000
1	Vốn trong nước	170.000



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	170.000	170.000	
	Văn hóa, thông tin	170.000	170.000	



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			187.334	172.800		172.200			
	Quảng Trị			187.334	172.800		172.200			
I	Văn hóa, thông tin			170.000	170.000		170.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			170.000	170.000		170.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			170.000	170.000		170.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			170.000	170.000		170.000			
(1)	Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm chiến đấu, bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị	38177	78/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	90.000	90.000		90.000			
(2)	Công viên thống nhất tại khu di tích quốc gia đặc biệt đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, tỉnh Quảng Trị	38178	79/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	80.000	80.000		80.000			
II	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			17.334	2.800		2.200			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			17.334	2.800		2.200			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			17.334	2.800		2.200			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			17.334	2.800		2.200			

2

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
(1)	Xây dựng trang trại Tây Sơn	10225	405/QĐ-UBND ngày 03/3/2016	17.334	2.800	2.200				



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	203.000
1	NGÀNH GIAO THÔNG	203.000



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			230.000	203.000	203.000	
	Quảng Trị			230.000	203.000	203.000	
I	NGÀNH GIAO THÔNG			230.000	203.000	203.000	
(1)	Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	38229	01/NQ-HĐND ngày 27/02/2023	230.000	203.000	203.000	



Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	367.499
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	367.499
1	Vốn nước ngoài	367.499



Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	367.499		367.499
	Văn hóa, thông tin	301.080		301.080
	Các hoạt động kinh tế	66.419		66.419
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	66.419		66.419



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT										Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Tinh bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)				
						Tổng số	Trong đó		Quy đổi ra tiền Việt		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP														Tổng số	Trong đó
	Tổng số			426.611	50.677		50.677		375.934	375.934			367.499		367.499								
	Thừa Thiên Huế			426.611	50.677		50.677		375.934	375.934			367.499		367.499								
I	Văn hóa			342.768	41.688		41.688		301.080	301.080			301.080		301.080								
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			342.768	41.688		41.688		301.080	301.080			301.080		301.080								
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			342.768	41.688		41.688		301.080	301.080			301.080		301.080								
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			342.768	41.688		41.688		301.080	301.080			301.080		301.080								
(1)	Xây dựng thành phố Huế văn hóa và du lịch thông minh"	37992	KOICA	409/QĐ-TTg ngày 30/3/2022	342.768	41.688		41.688	13 triệu USD	301.080	301.080			301.080		301.080							
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, di sản văn hóa				83.843	8.989		8.989		74.854	74.854			66.419		66.419							
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				83.843	8.989		8.989		74.854	74.854			66.419		66.419							
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				83.843	8.989		8.989		74.854	74.854			66.419		66.419							
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				83.843	8.989		8.989		74.854	74.854			66.419		66.419							
(1)	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Thừa Thiên Huế	37993	KOICA	103/NQ-HĐND ngày 26/10/2022	83.843	8.989		8.989	3,617 triệu USD	74.854	74.854			66.419		66.419							



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)				Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15							
							Trong đó: vốn NSTW						Trong đó:		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW											
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW								
									NSTW	NSDP			Tổng số	Trong đó:																
Đưa vào	Vay lại																													
	Tổng số					1.832.078	307.703		17.471		1.524.375	793.474	730.901	635.630			635.630			21.935	21.935			635.630		635.630				
	Thừa Thiên Huế					1.832.078	307.703		17.471		1.524.375	793.474	730.901	635.630			635.630			21.935	21.935			635.630		635.630				
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước					1.832.078	307.703		17.471		1.524.375	793.474	730.901	635.630			635.630			21.935	21.935			635.630		635.630				
a	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					33.754	6.454				27.300	27.300		4.504			4.504			3.750					754		754			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					33.754	6.454				27.300	27.300		4.504			4.504			3.750					754		754			
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					33.754	6.454				27.300	27.300		4.504			4.504			3.750					754		754			
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					33.754	6.454				27.300	27.300		4.504			4.504			3.750					754		754			
(1)	DA giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 (huyện Phú Vang, Phú Lộc, Quảng Điền, Phong Điền và TX Hương Trà)	2251	ADB			2178 ngày 26/6/2014	33.754	6.454			1,3 tr USD	27.300	27.300		4.504		4.504			3.750					754		754			
b	Môi trường					1.617.196	269.809				1.353.387	639.498	713.889	576.776			576.776			21.935					598.711		598.711			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					1.617.196	269.809				1.353.387	639.498	713.889	576.776			576.776			21.935					598.711		598.711			
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					1.617.196	269.809				1.353.387	639.498	713.889	576.776			576.776			21.935					598.711		598.711			
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					1.617.196	269.809				1.353.387	639.498	713.889	576.776			576.776			21.935					598.711		598.711			

[illegible]



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục I
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			1.453.026	750.000	750.000				
	Thành phố Đà Nẵng			1.453.026	750.000	750.000				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			250.000	250.000	250.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			250.000	250.000	250.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			250.000	250.000	250.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			250.000	250.000	250.000				
(1)	Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	37958	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 11/3/2022	250.000	250.000	250.000				
II	Giao thông			1.203.026	500.000	500.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.203.026	500.000	500.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.203.026	500.000	500.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.203.026	500.000	500.000				
(1)	Dự án đường ven biển nối Cảng Liên Chiểu	37957	17/NQ-HĐND ngày 11/3/2022	1.203.026	500.000	500.000				



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	21.750
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	21.750



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			21.750	21.750	21.750	
	Thành phố Đà Nẵng			21.750	21.750	21.750	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			21.750	21.750	21.750	
(1)	Dự án đầu tư Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Đà Nẵng	38021	QĐ số 3088/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	21.750	21.750	21.750	



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	123.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	123.000
2	Vốn nước ngoài	123.000



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	123.000		123.000
	Các hoạt động kinh tế	123.000		123.000
-	Giao thông	123.000		123.000



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			141.000	136.000	95.000	2.000			
	Quảng Nam			141.000	136.000	95.000	2.000			
I	Quốc phòng			141.000	136.000	95.000	2.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			141.000	136.000	95.000	2.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			141.000	136.000	95.000	2.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			141.000	136.000	95.000	2.000			
(1)	Nâng cấp, mở rộng đường Trà Tập - Trà Cang - Trà Linh thuộc vùng ATK	26176	23-19/4/2021; 55-22/7/2021	141.000	136.000	95.000	2.000			



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I.C
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)						
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên lệ	Quy đổi ra tiền Việt								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số							Trong đó					
	Tổng số				2.748.610	916.510		916.510		1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						
	Quảng Nam				2.748.610	916.510		916.510		1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						
I	Giao thông				2.748.610	916.510		916.510		1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				2.748.610	916.510		916.510		1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						
a	Dự án khởi công mới 2021-2025				2.748.610	916.510		916.510		1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						
(1)	Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam	38005	WB	396/QĐ-TTg: 29/3/2022	2.748.610	916.510		916.510	79,12 triệu USD	1.832.100	549.630	1.282.470			123.000			123.000						



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	90.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	90.000
2	Vốn nước ngoài	90.000

Tỉnh Quảng Ngãi



Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	90.000		90.000
	Các hoạt động kinh tế	90.000		90.000
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	90.000		90.000



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục I.B
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

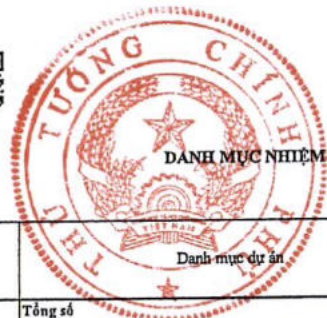
STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn/NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giáo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT							Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	Tổng số	Trong đó:				
						Trong đó:											Vốn đối ứng		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Quy đổi ra tiền Việt				
						Tổng số	Trong đó		Tinh bảng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó										
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	Tổng số				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
	Quảng Ngãi				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				100.579	9.587		9.587		90.992	90.992			90.000		90.000					
(1)	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Quảng Ngãi	37987	KOICA	45/NQ-HEND ngày 30/9/2022	100.579	9.587		9.587	3,925 triệu USD	90.992	90.992			90.000		90.000	*				



Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI*(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	276.000
1	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM	150.000
2	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	126.000



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	 Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			294.800	276.000	276.000	
	Quảng Ngãi			294.800	276.000	276.000	
I	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM			158.000	150.000	150.000	
(1)	Dự án nâng cấp Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I, II)	37518	02/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	90.000	90.000	90.000	
(2)	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	37531	24/NQ-HĐND, 07/7/2022	68.000	60.000	60.000	
III	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			136.800	126.000	126.000	
(1)	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 Trung tâm Y tế huyện huyện, tỉnh Quảng Ngãi	38025	01/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	136.800	126.000	126.000	

Tỉnh Bình Định

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	142.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	142.000
1	Vốn trong nước	70.000
2	Vốn nước ngoài	72.000



Tỉnh Bình Định

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	142.000	70.000	72.000
	Văn hóa, thông tin	70.000	70.000	
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	72.000		72.000



Tỉnh Bình Định

Phụ lục LB

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			93.996	70.000	70.000				
	Bình Định			93.996	70.000	70.000				
I	Văn hóa, thông tin			93.996	70.000	70.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			93.996	70.000	70.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			93.996	70.000	70.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			93.996	70.000	70.000				
(1)	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long, tỉnh Bình Định	38170	64/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	93.996	70.000	70.000				



Tỉnh Bình Định

Phụ lục LC
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
						Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Trong đó:					
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó												
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
	Tổng số				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
	Bình Định				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
I	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008				72.000			72.000					
(1)	Làng Hòa Bình Việt Nam – Hàn Quốc (KV/PVP) tại tỉnh Bình Định	37999	KOICA	40/NQ-HBND ngày 07/9/2022	97.720	9.712		9.712	4215713 USD	88.008	88.008				72.000			72.000					



Tỉnh Phú Yên

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	153.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	153.000



Tỉnh Phú Yên

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			153.000	153.000	153.000	
	Phú Yên			153.000	153.000	153.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			153.000	153.000	153.000	
(1)	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh, 09 Trung tâm y tế tuyến huyện và 28 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Phú Yên	38027	26/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022; 45/NQ-HĐND, ngày 01/11/2022	153.000	153.000	153.000	

Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.845.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.845.000
1	Vốn trong nước	1.845.000

Tỉnh Khánh Hòa



Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.845.000	1.845.000	
	Các hoạt động kinh tế	1.845.000	1.845.000	
-	Giao thông	1.845.000	1.845.000	



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
	Khánh Hòa			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
I	Giao thông			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
	Dự án quan trọng quốc gia			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			23.865.000	21.670.000		2.845.000			
(1)	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	30422	92/2023/QH15	1.930.000	1.000.000		1.000.000			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	38121	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	21.935.000	20.670.000		1.845.000			



Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI*(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	105.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	105.000



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			160.000	105.000	105.000	
	Khánh Hòa			160.000	105.000	105.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			160.000	105.000	105.000	
(1)	Dự án đầu tư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Khánh Hòa	38028	05/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	160.000	105.000	105.000	



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I
BIỂU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng/Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			2.276.514	2.174.241	597.700			322.000			275.700		
	Ninh Thuận			2.276.514	2.174.241	597.700			322.000			275.700		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			2.276.514	2.174.241	597.700			322.000			275.700		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			2.276.514	2.174.241	597.700			322.000			275.700		
(1)	Đập hạ lưu Sông Dinh	3282	1381/QĐ-UBND 04/10/2022	691.498	691.498	147.000			27.000			120.000		
(2)	Vườn Quốc gia Phước Bình	3288	2466/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	81.000	19.000			19.000					
(3)	Vườn Quốc gia Núi Chúa	3289	2462/QĐ-UBND 31/12/2021 154/QĐ-UBND 11/02/2022	166.694	111.927	30.000			13.773			16.227		
(4)	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam	3291	2465/QĐ-UBND 31/12/2021	52.006	33.500	3.700			2.900			800		
(5)	Hồ chứa nước sông Than	12990	707/QĐ-UBND 03/5/2018 199/QĐ-UBND 29/01/2021	1.041.000	1.041.000	186.000			47.327			138.673		
(6)	Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn 2021 – 2025	36636	38/NQ-HĐND 17/5/2021	82.337	82.337	82.000			82.000					
(7)	Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2021 – 2025	36637	37/NQ-HĐND 17/5/2021	132.979	132.979	130.000			130.000					



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I.A
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)
Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	 Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú																													
							TMDT	Trong đó: vốn NSTW										Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Trong đó:																																
								Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Tổng số	Trong đó:															
								Tổng số	Trong đó		Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó:																																Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
									NSTW	NSDP		Tổng số	Đưa vào	Vay lại		Đưa vào	Vay lại																																												
	Tổng số						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
	Ninh Thuận						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
■	Môi trường						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						2.253.010	653.499	407.960	245.539		1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	
(1)	Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	2506	WB			1278/QĐ-TTg 21/10/2022 1596/QĐ-UBND 16/11/2022	2.253.010	653.499	407.960	245.539	69.544 triệu USD	1.599.512	1.124.902	474.609	1.202.960	85.960			1.117.000		322.000					1.524.960	407.960	1.117.000																																	

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	102.787
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	102.787



Tỉnh Bình Thuận

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			102.787	102.787	102.787	
	Bình Thuận			102.787	102.787	102.787	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			102.787	102.787	102.787	
(1)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Bình Thuận	38031	2261/QĐ-UBND ngày 27/10/2022, 2734/QĐ- UBND ngày 26/12/2022	10.796	10.796	10.796	
(2)	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 02 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Thuận	38032	43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	22.494	22.494	22.494	
(3)	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 15 Trạm Y tế, Phòng khám đa khoa thuộc các huyện, tỉnh Bình Thuận	38033	08/NQ-HĐND ngày 22/3/2023	69.497	69.497	69.497	



Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.641.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.641.000
1	Vốn trong nước	1.641.000

Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.641.000	1.641.000	
	Các hoạt động kinh tế	1.641.000	1.641.000	
-	Giao thông	1.641.000	1.641.000	



Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			21.935.000	20.670.000		1.641.000			
	Đắk Lắk			21.935.000	20.670.000		1.641.000			
I	Giao thông			21.935.000	20.670.000		1.641.000			
	Dự án quan trọng quốc gia			21.935.000	20.670.000		1.641.000			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1	38123	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	21.935.000	20.670.000		1.641.000			

Tỉnh Gia Lai

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	404.135
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	404.135
1	Vốn trong nước	50.000
2	Vốn nước ngoài	354.135



Tỉnh Gia Lai

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	404.135	50.000	354.135
	Văn hóa, thông tin	50.000	50.000	
	Bảo vệ môi trường	354.135		354.135

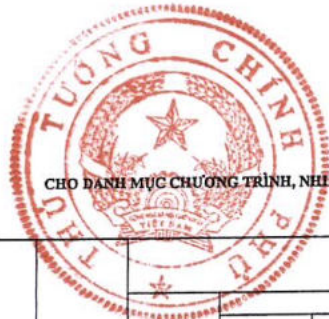


Tỉnh Gia Lai

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			50.000	50.000	50.000				
	Gia Lai			50.000	50.000	50.000				
I	Văn hóa, thông tin			50.000	50.000	50.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			50.000	50.000	50.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			50.000	50.000	50.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			50.000	50.000	50.000				
(1)	Phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thượng Đạo)	38171	178/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022	50.000	50.000	50.000				



Tỉnh Gia Lai

Phụ lục I.C
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn/NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Trong đó:			Tinh bằng nguyên lệ	Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
						Vốn đối ứng		Tổng số					Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW						
						Tổng số	NSTW							NSDP			Trong đó		
																	Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại
	Tổng số			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
	Gia Lai			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
I	Môi trường			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135			
(1)	Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	37976	FIN	171/TTg-QHQT ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	1.093.469	360.270		360.270		733.199	590.225	142.974			354.135		354.135		

Tỉnh Kon Tum

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	60.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	60.000
1	Vốn trong nước	60.000



Tỉnh Kon Tum

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	60.000	60.000	
	Văn hóa, thông tin	60.000	60.000	



Tỉnh Kon Tum

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			60.000	60.000		60.000			
	Kon Tum			60.000	60.000		60.000			
I	Văn hóa, thông tin			60.000	60.000		60.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			60.000	60.000		60.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			60.000	60.000		60.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			60.000	60.000		60.000			
(1)	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, tỉnh Kon Tum	38176	NQ 66-11/11/2022	60.000	60.000		60.000			



Tỉnh Lâm Đồng

Phụ lục I
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
	Lâm Đồng			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
I	Giao thông			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			17.200.000	2.000.000	2.000.000				
(1)	Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư	35779	Quyết định phê duyệt chủ trương số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022	17.200.000	2.000.000	2.000.000				



Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.436.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.436.000
1	Vốn trong nước	1.436.000



Tỉnh Đồng Nai

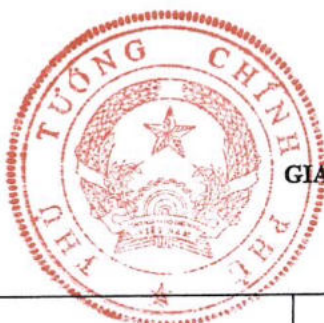
Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.436.000	1.436.000	
	Các hoạt động kinh tế	1.436.000	1.436.000	
-	Giao thông	1.436.000	1.436.000	



Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục I.B
GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			17.837.000	14.567.000		1.436.000			
	Đồng Nai			17.837.000	14.567.000		1.436.000			
I	Giao thông			17.837.000	14.567.000		1.436.000			
	Dự án quan trọng quốc gia			17.837.000	14.567.000		1.436.000			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	38127	59/2022/QH15 16/6/2022	17.837.000	14.567.000		1.436.000			

Tỉnh Đồng Nai

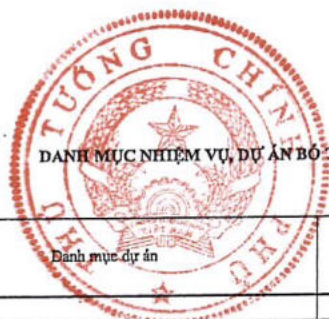
Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	20.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	20.000



Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			26.000	20.000	20.000	
	Đồng Nai			26.000	20.000	20.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			26.000	20.000	20.000	
(1)	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu (cơ sở 2), tỉnh Đồng Nai	38052	374/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	26.000	20.000	20.000	



Tỉnh Bình Dương

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	24.931
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	24.931



Tỉnh Bình Dương

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			24.931	24.931	24.931	
	Bình Dương			24.931	24.931	24.931	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			24.931	24.931	24.931	
(1)	Dự án xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương	38050	596/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	24.931	24.931	24.931	



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	207.684
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	207.684
1	Vốn nước ngoài	207.684



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	207.684		207.684
	Các hoạt động kinh tế	207.684		207.684
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	207.684		207.684



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT								Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	Tổng số	Trong đó:				
						Trong đó:						Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)				
						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên lệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số					Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)			
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
	Tổng số				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
	Bình Phước				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				604.820	196.394		196.394		408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				
(1)	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	37995	ADB	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	604.820	196.394		196.394	17650	408.426	207.684	200.742			207.684			207.684				



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	244.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	174.000
2	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM	70.000



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			244.000	244.000	244.000	
	Bình Phước			244.000	244.000	244.000	
I	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM			70.000	70.000	70.000	
(1)	Dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường cao đẳng Bình Phước	38212	06/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	70.000	70.000	70.000	
II	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			174.000	174.000	174.000	
(1)	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	38045	18/NQ-HĐND ngày 09/11/2022; 38/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	174.000	174.000	174.000	



Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	2.076.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.076.000
1	Vốn trong nước	2.076.000



Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	2.076.000	2.076.000	
	Văn hóa, thông tin	100.000	100.000	
	Các hoạt động kinh tế	1.976.000	1.976.000	
-	Giao thông	1.976.000	1.976.000	



Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu



Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			18.093.470	14.667.000		2.076.000			
	Bà Rịa Vũng Tàu			18.093.470	14.667.000		2.076.000			
I	Văn hóa, thông tin			256.470	100.000		100.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			256.470	100.000		100.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			256.470	100.000		100.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			256.470	100.000		100.000			
(1)	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà tù Côn Đảo	38175	25/NQ-HĐND ngày 4/8/2020; 01/NQ-HĐND ngày 06/3/2023	256.470	100.000		100.000			
II	Giao thông			17.837.000	14.567.000		1.976.000			
	Dự án quan trọng quốc gia			17.837.000	14.567.000		1.976.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			17.837.000	14.567.000		1.976.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			17.837.000	14.567.000		1.976.000			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	38129	59/2022/QH15 16/6/2022	17.837.000	14.567.000		1.976.000			



Tỉnh Long An

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	171.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	171.000



Tỉnh Long An

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			188.000	171.000	171.000	
	Long An			188.000	171.000	171.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG			188.000	171.000	171.000	
(1)	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 70 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Long An	38055	55/NQ-HĐND, 27/10/2022	162.000	147.000	147.000	
(2)	Dự án mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế tuyến huyện	38056	7889/QĐ-UBND, 25/8/2022	26.000	24.000	24.000	



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	872.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	872.000
1	Vốn trong nước	872.000



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	872.000	872.000	
	Các hoạt động kinh tế	872.000	872.000	
-	Giao thông	872.000	872.000	



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			5.886.000	5.886.000	872.000				
	Tiền Giang			5.886.000	5.886.000	872.000				
I	Giao thông			5.886.000	5.886.000	872.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			5.886.000	5.886.000	872.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			5.886.000	5.886.000	872.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			5.886.000	5.886.000	872.000				
(1)	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1	38142	769/QĐ-TTg; 24/6/2022	5.886.000	5.886.000	872.000				



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	70.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	70.000
1	Vốn trong nước	70.000

Tỉnh Bến Tre



Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	70.000	70.000	
	Văn hóa, thông tin	70.000	70.000	



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			70.000	70.000	70.000				
	Bến Tre			70.000	70.000	70.000				
I	Văn hóa, thông tin			70.000	70.000	70.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			70.000	70.000	70.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			70.000	70.000	70.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			70.000	70.000	70.000				
(1)	Mộ và khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (Danh nhân văn hóa được UNESCO ghi danh năm 2021)	38165	2755/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	70.000	70.000		70.000			



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục LC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng/Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			4.505.780	3.669.800	1.978.299		1.507.471	1.641.000			2.111.828		
	Bến Tre			4.505.780	3.669.800	1.978.299		1.507.471	1.641.000			2.111.828		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			110.780	70.000	19.499		7.671				11.828		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			110.780	70.000	19.499		7.671				11.828		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			110.780	70.000	19.499		7.671				11.828		
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			110.780	70.000	19.499		7.671				11.828		
(1)	Kè chống xói lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bờ Nam)	24730	1155/QĐ-UBND ngày 21/5/2020; 3151/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 2792/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	110.780	70.000	19.499		7.671				11.828		
II	Giao thông			4.395.000	3.599.800	1.958.800		1.499.800	1.641.000			2.100.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			4.395.000	3.599.800	1.958.800		1.499.800	1.641.000			2.100.000		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			2.895.000	2.099.800	458.800			1.641.000			2.099.800		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			2.895.000	2.099.800	458.800			1.641.000			2.099.800		
(1)	Dự án cầu Ba Lai 8	56356	590/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	2.255.000	1.499.800				1.499.800			1.499.800		
b	Nhiệm vụ khác			1.500.000	1.500.000	1.500.000		1.499.800				200		
(1)	Cầu Bình Thới 2	34888	1529/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	1.500.000	1.500.000	1.500.000		1.499.800				200		
c	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			2.895.000	2.099.800	458.800			1.641.000			2.099.800		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			2.895.000	2.099.800	458.800			1.641.000			2.099.800		
(1)	Đầu tư xây dựng Đường từ cảng Giao Long đến Khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07) liên huyện Châu Thành - Bình Đại	35783	1654/QĐ-UBND ngày 15/07/2020; 1813a/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; 3151/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1559/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	640.000	600.000	458.800			141.200			600.000		



Tỉnh **Bến Tre**

Phụ lục I.D

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: **Triệu đồng**

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT					Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:									
								Trong đó: vốn NSTW																								
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)															Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt														Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
									NSTW	NSDP		Tổng số																				Đưa vào
	Tổng số						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Bến Tre						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Y tế, dân số và gia đình						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						1.658.036	326.703	326.703			1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				
(1)	Xây dựng bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre	2444	Hàn Quốc			843/QĐ-TTg 12/6/2015, 1594/QĐ-UBND 18/8/2015	1.658.036	326.703	326.703		62633000	1.331.334	1.331.334		1.629.334	319.000		1.310.334	133.529							1.495.805	185.471	1.310.334				



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.250.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.250.000
1	Vốn trong nước	3.250.000



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	3.250.000	3.250.000	
	Các hoạt động kinh tế	3.250.000	3.250.000	
-	Giao thông	3.250.000	3.250.000	



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			44.691.000	40.867.500	3.250.000				
	Thành phố Cần Thơ			44.691.000	40.867.500	3.250.000				
I	Giao thông			44.691.000	40.867.500	3.250.000				
	Dự án quan trọng quốc gia			44.691.000	40.867.500	3.250.000				
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	38134	60/2022/QH15 ngày 16/6/2022	44.691.000	40.867.500	3.250.000				



Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.466.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.466.000
1	Vốn trong nước	3.466.000



Tỉnh Hậu Giang

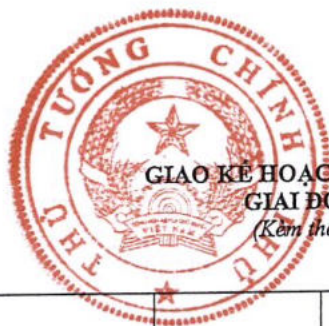
Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	3.466.000	3.466.000	
	Các hoạt động kinh tế	3.466.000	3.466.000	
-	Giao thông	3.466.000	3.466.000	



Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			44.691.000	40.867.500	3.466.000				
	Hậu Giang			44.691.000	40.867.500	3.466.000				
I	Giao thông			44.691.000	40.867.500	3.466.000				
	Dự án quan trọng quốc gia			44.691.000	40.867.500	3.466.000				
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	38135	60/2022/QH15 ngày 16/6/2022	44.691.000	40.867.500	3.466.000				



Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.989.022
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.989.022
1	Vốn trong nước	3.769.500
2	Vốn nước ngoài	219.522



Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	3.989.022	3.769.500	219.522
	Bảo vệ môi trường	155.880		155.880
	Các hoạt động kinh tế	3.833.142	3.769.500	63.642
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	50.000		50.000
-	Giao thông	3.769.500	3.769.500	
-	Công trình công cộng tại các đô thị	13.642		13.642

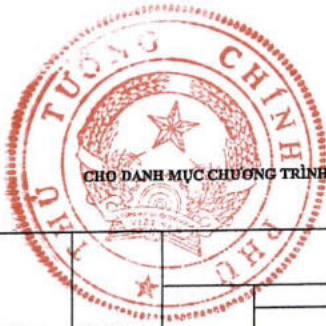


Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			44.691.000	40.867.500		3.769.500			
	Sóc Trăng			44.691.000	40.867.500		3.769.500			
I	Giao thông			44.691.000	40.867.500		3.769.500			
	Dự án quan trọng quốc gia			44.691.000	40.867.500		3.769.500			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	38136	60/2022/QH15 ngày 16/6/2022	44.691.000	40.867.500		3.769.500			



Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục I.C
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
					TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số						Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
	Tổng số				2.475.932	665.291	220.794	410.073		1.810.641	1.265.931	544.710	530.070	138.700	391.370	219.522		219.522			
	Sóc Trăng				2.475.932	665.291	220.794	410.073		1.810.641	1.265.931	544.710	530.070	138.700	391.370	219.522		219.522			
I	Môi trường				427.059	128.118	102.494			298.941	298.941		20.400	20.400		155.880		155.880			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				427.059	128.118	102.494			298.941	298.941		20.400	20.400		155.880		155.880			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				427.059	128.118	102.494			298.941	298.941		20.400	20.400		155.880		155.880			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				427.059	128.118	102.494			298.941	298.941		20.400	20.400		155.880		155.880			
(I)	Dự án thoát nước và xử lý nước thải TP Sóc Trăng (CHLB Đức) GB2	206	KFW	963/QĐ-UBND, 25/4/2015; 161/QĐ-UBND, 30/01/2020; 625/QĐ-TTg, 20/5/2022	427.059	128.118	102.494		16.010.902 Euro	298.941	298.941		20.400	20.400		155.880		155.880			
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				992.300	278.600		269.800		713.700	499.590	214.110				50.000		50.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				992.300	278.600		269.800		713.700	499.590	214.110				50.000		50.000			
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				992.300	278.600		269.800		713.700	499.590	214.110				50.000		50.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				992.300	278.600		269.800		713.700	499.590	214.110				50.000		50.000			
(I)	Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Sóc Trăng	38004	WB	879/TTg-QHQT ngày 29/6/2021; 61/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	992.300	278.600		269.800	30,79 triệu USD	713.700	499.590	214.110				50.000		50.000			
III	Công trình công cộng tại các đô thị				1.056.573	258.573	118.300	140.273		798.000	467.400	330.600	509.670	118.300	391.370	13.642		13.642			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				1.056.573	258.573	118.300	140.273		798.000	467.400	330.600	509.670	118.300	391.370	13.642		13.642			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.056.573	258.573	118.300	140.273		798.000	467.400	330.600	509.670	118.300	391.370	13.642		13.642			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				1.056.573	258.573	118.300	140.273		798.000	467.400	330.600	509.670	118.300	391.370	13.642		13.642			

2																		
STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)				
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt							
							NSTW	NSEP			Tổng số					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
(1)	Dự án "Mở rộng năng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng"	2582	WB	642/QĐ-UBND ngày 27/3/2017, 2756/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.056.573	258.573	118.300	140.273	35 triệu USD	798.000	467.400	330.600	509.670	118.300	391.370	13.642	13.642	



Tỉnh An Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	4.928.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.928.000
1	Vốn trong nước	4.928.000



Tỉnh An Giang

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	4.928.000	4.928.000	
	Các hoạt động kinh tế	4.928.000	4.928.000	
-	Giao thông	4.928.000	4.928.000	



Tỉnh An Giang

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
	An Giang			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
I	Giao thông			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
	Dự án quan trọng quốc gia			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			44.691.000	40.867.500		4.928.000			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	38133	60/2022/QH15 ngày 16/6/2022	44.691.000	40.867.500		4.928.000			



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.410.800
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.410.800
1	Vốn trong nước	1.410.800

Tỉnh Đồng Tháp



Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.410.800	1.410.800	
	Các hoạt động kinh tế	1.410.800	1.410.800	
-	Giao thông	1.410.800	1.410.800	



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục I.B
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			6.329.900	6.286.000	1.810.800				
	Đồng Tháp			4.083.900	4.040.000	1.810.800				
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế			443.900	400.000	400.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			443.900	400.000	400.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			443.900	400.000	400.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			443.900	400.000	400.000				
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	38213	1247/QĐ-UBND.HC ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh	443.900	400.000	400.000				
II	Giao thông			5.886.000	5.886.000	1.410.800				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			5.886.000	5.886.000	1.410.800				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			5.886.000	5.886.000	1.410.800				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			5.886.000	5.886.000	1.410.800				
(1)	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1	38141	769/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của TTCP	5.886.000	5.886.000	1.410.800				



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	14.000
1	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG	14.000



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục II.A
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Tổng số			16.439	14.000	14.000		
	Đồng Tháp				16.439	14.000	14.000	
I	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG				16.439	14.000	14.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 trạm y tế tuyến xã thuộc tỉnh Đồng Tháp	38224	Số 214/QĐ-UBND-HC ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp		16.439	14.000	14.000	



Tỉnh Kiên Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	50.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	50.000
1	Vốn trong nước	50.000



Tỉnh Kiên Giang

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	50.000	50.000	
	Văn hóa, thông tin	50.000	50.000	



Tỉnh Kiên Giang

Phụ lục LB
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ đọng XDCB
	Tổng số			50.000	50.000	50.000				
	Kiên Giang			50.000	50.000	50.000				
I	Văn hóa, thông tin			50.000	50.000	50.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			50.000	50.000	50.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			50.000	50.000	50.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			50.000	50.000	50.000				
(1)	Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	38179	106/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	50.000	50.000		50.000			